



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

NHỮNG TẤM GƯƠNG SỐNG TỐT ĐỜI, ĐẸP ĐẠO



NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA



NHÀ XUẤT BẢN
TÔN GIÁO

**NHỮNG TẤM GƯƠNG
SỐNG TỐT ĐỜI, ĐẸP ĐẠO**

HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN

Chủ tịch Hội đồng:

PGS.TS. NGUYỄN THẾ KỶ

Phó Chủ tịch Hội đồng:

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Thành viên:

TS. KHUẤT DUY KIM HẢI

TS. NGUYỄN AN TIÊM

NGUYỄN VŨ THANH HẢO

HỮU MAI
(Sưu tầm)

**NHỮNG TẤM GƯƠNG
SỐNG TỐT ĐỜI, ĐẸP ĐẠO**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2014

HỮU MAI (Sưu tầm)
NGỌC BA
TRẦN KHÁNH DƯ
TRIẾT GIANG
KIM HÁ
TRẦN DUY HÙNG
THANH LÊ
PHƯƠNG LIÊN
VŨ THÀNH NAM
HẠNH NGUYỄN
TRẦN THẮNG
MINH THIÊN
TS. PHẠM HUY THÔNG
MINH TIỆP
ĐẠT VÕ
TRẦN MƠ

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đồng bào tôn giáo đã có nhiều đóng góp to lớn. Đã có nhiều tấm gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến xuất sắc được đồng bào tôn giáo nói riêng, nhân dân cả nước nói chung ghi nhận và tuyên dương, trở thành những tấm gương mẫu mực. Tinh thần tương thân, tương ái, lòng yêu nước nồng nàn, đạo hiếu "uống nước, nhớ nguồn" của đồng bào tôn giáo được thể hiện sinh động thông qua các việc làm cụ thể, rất đáng tự hào.

Những điển hình của các vị chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo tham gia tốt công tác phát triển kinh tế, xã hội, giữ gìn an ninh, trật tự xã hội, tích cực tham gia các công tác thiện nguyện, thật sự là những công dân sống tốt đời, đẹp đạo của tôn giáo Việt Nam.

Để giới thiệu với bạn đọc và góp phần tôn vinh những con người tiêu biểu đó, đồng thời thấy được ý nghĩa tích cực của việc đoàn kết tôn giáo, sống và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản cuốn sách ***Những tấm gương sống tốt đời, đẹp đạo*** do nhà báo Hữu Mai sưu tầm và tổ chức bản thảo.

Cuốn sách viết về một số điển hình tiêu biểu, những tấm gương kính Chúa, yêu nước, những anh hùng, liệt sĩ là những người có đạo; những tấm gương chân tu khả kính, suốt đời vì đạo, vì đời; những tấm gương đồng bào tôn giáo với tấm lòng quảng đại yêu thương, đã mở những phòng khám từ thiện miễn phí, chung tay giúp những người nghèo khám, chữa bệnh; những người giữ gìn an ninh trật tự thôn xóm, tích cực tham gia phát triển kinh tế, xã hội địa phương...

Hy vọng cuốn sách sẽ là nguồn cổ vũ, động viên tinh thần cho những con người mặc dù theo những tôn giáo khác nhau nhưng đều đem cái chung là đạo làm người tốt đẹp để cống hiến cho nước, cho dân và khuyến khích tất cả mọi người cùng góp sức, xây dựng cuộc sống tốt đẹp hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 3 năm 2014

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

VỀ BỐN ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN LÀ NGƯỜI CÔNG GIÁO¹

VŨ THÀNH NAM*

Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và chống Mỹ, cứu nước, đã có nhiều đồng bào là người Công giáo sẵn sàng chiến đấu, hy sinh, xả thân vì độc lập, tự do của Tổ quốc. Riêng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã có nhiều thanh niên là người Công giáo được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân. Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu bốn tấm gương tiêu biểu sau đây:

1. Vượt bão lửa ở Seng Phan

Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Giuse Đỗ Văn Chiến, người chiến sĩ trẻ thuộc

* Báo *Người Công giáo Việt Nam*.

1. Bài đăng trên báo *Hà Nội mới*, năm 2012.

Binh đoàn 559, liên tục chiến đấu trong khoảng 1.000 ngày đêm trên chiến trường, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ do đơn vị giao phó: chỉ tiêu đơn vị giao là vận tải 3 đêm/chuyến, nhưng anh Chiến đã vượt chỉ tiêu là 3 đêm/3 chuyến với nhiều lần liều mình cứu cả đoàn xe chở hàng thoát khỏi đạn bom của địch...

Anh sinh ra tại giáo họ Thánh Giuse, Giáo xứ Liên Phú (xã Hải Đông, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định). Tháng 9-1966, anh lên đường nhập ngũ, được huấn luyện cấp tốc rồi điều thẳng sang nước bạn Lào, làm công tác vận chuyển quân lương vào giải phóng miền Nam. Nơi anh vận tải là trọng điểm máu lửa Seng Phan (tỉnh Khăm Muộn), điểm yết hầu vận tải quân lương của bộ đội ta. Nắm rõ điều đó, địch ném bom không ngớt cả ngày lẫn đêm khiến cho người, xe, đạn dược, lương thực... của bộ đội ta gặp muôn vàn khó khăn, nguy hiểm. Nhưng người thanh niên này vẫn kiên cường liên tục trong ba năm, không một đêm nào vận tải dưới hai chuyến, đưa hàng đi đến nơi về đến chốn. Tháng cao điểm, anh em bị thương nhiều, anh tự nguyện: một người làm việc bằng ba, vận tải đến 32 chuyến/tháng...

Anh kể lại: "Đêm 24-2-1968, trả hàng xong, tôi cùng đồng chí Diếp là lái phụ trên đường đi ra thì đi đầu đoàn xe, bị bom tọa độ đánh trúng

vào đầu xe. Tôi và đồng chí Diếp cùng bị thương. Tôi bị đứt ngón tay thứ tư (bàn tay phải), còn dính ít da, đồng chí Diếp bị thương vào tay trái. Tôi bảo đồng chí Diếp là giết đứt ngón tay tôi để anh em cùng lái xe với hai cánh tay còn lại. Chúng tôi đã đi qua trọng điểm bảy cây số vào nơi an toàn, giải phóng cho đoàn xe phía sau. Sau đó, anh em công binh mới đưa chúng tôi vào điều trị ở bệnh xá Đội 14 Trường Sơn. Tổng cộng có đến năm lần bị thương, giám định thương tật mất 48% sức khỏe, hiện trong người còn nhiều viên bi chưa được lấy ra".

Có một điều thật thú vị là chính chiếc xe Zil 3 cầu 157 bị bom đánh trúng, cháy cabin, vỡ hết kính, anh vẫn khắc phục đưa xe vào hoạt động tốt. Bài thơ *Tiểu đội xe không kính* của nhà thơ Phạm Tiến Duật đã ra đời trong hoàn cảnh đó. Bài thơ có câu "Xe không kính, không phải vì xe không có kính..." là một hình ảnh có thực, được viết ra từ chính hành động phi thường của Anh hùng Đỗ Văn Chiến.

Ngày 22-12-1969, anh được Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Tiểu đoàn anh được mệnh danh là "Tiểu đoàn Đại bàng xanh", cá nhân anh được mệnh danh là "Con chim đầu đàn" của Tiểu đoàn Đại bàng xanh, chuyên vượt bão lửa Seng Phan.

Sau 27 năm liên tục cống hiến cho quân đội, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Đỗ Văn Chiến đã về nghỉ hưu và mang trên vai quân hàm đại tá... Hiện nay, ông là một người lái xe ôm. Cái mác nguyên là đại tá quân đội cộng với phong cách sống chính trực khiến nhiều người, thậm chí là cán bộ cấp cao tin tưởng gọi điện đến nhà nhờ ông đưa đón con cái đi học. Mặc dù hành nghề xe ôm, nhưng thực ra, hơn nửa thời gian ông đứng làm nhiệm vụ của một người lính dân phòng tự phong để giữ gìn an ninh, trật tự khu xóm.

2. Mẹo của người anh hùng

Tháng 5-1965, Phêrô Nguyễn Quang Hạnh, quê ở giáo họ Nam Đường, Giáo xứ Hai Giáp, Bùi Chu (thuộc xã Hải Anh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định) đã không chần chừ khoác ngay áo lính vào chiến trường. Năm đó, Nguyễn Quang Hạnh bước sang tuổi 23, để lại hậu phương đứa con trai đầu lòng còn đỏ hỏn, đôi bên cha mẹ bước sang tuổi thất thập đều giao cho người vợ gầy yếu trông nom. Sau 5 năm, khi nỗi đau đứt lòng thương xót cho những đồng đội cùng Mặt trận 559 hằng ngày ngã xuống dưới mưa bom, bão đạn của quân thù chưa nguôi thì anh lại hay tin, đứa con duy nhất ở

quê nhà, do thiếu sự chở che, chăm sóc của anh đã không còn!

Anh Hạnh kể lại với giọng điệu mạnh mẽ, hùng hồn: Tôi còn nhớ như in những ngày ấy, tôi đeo lon thiếu úy mới toanh, cấp trên giao giữ chức Đại đội trưởng Đại đội 1, Tiểu đoàn 59, Binh trạm 35. Đại đội chuyên vận tải hàng, chi viện cho chiến trường miền Nam, nhưng địch phát hiện chặn đánh, mỗi giờ chúng rải xuống không biết bao nhiêu bom. Rồi một ngày lịch sử đã đến, hôm ấy, lệnh xuất quân của người chỉ huy vang lên: "Tiến!", ai nấy đều cầm chặt vô lăng. Đoàn chúng tôi rời vị trí chưa được bao xa thì cả đoàn đều phanh khựng lại, chiếc xe đầu đoàn trúng bom, bùng cháy. Lúc đó, tôi đang lái chiếc xe đi thứ ba, lập tức nhảy ra khỏi xe, chạy lên chiếc xe đang cháy, lôi đồng chí lái xe đã đuối sức ra khỏi xe, nói như ra lệnh: "Xuống lái xe thứ ba!". Tôi liền lái chiếc xe cháy chạy theo hướng khác, tạo mục tiêu giả cho địch nhầm tưởng bắn theo! Càng chạy thì gạo trên xe càng bốc cháy tạo thành những vệt khói ngoằn ngoèo... Địch cho rằng đoàn xe của bộ đội ta vẫn còn đang nối đuôi nhau chạy, chúng lại càng giội bom và bắn rốc két xuống những vệt khói... Khi địch còn đang mắc mẻo của tôi thì mũi kia, đoàn xe của ta đã băng qua khỏi cánh rừng già của huyện Bố Trạch và thoát nạn. Nhờ những mẻo

đó mà chúng tôi đã bảo toàn được đạn dược, đưa hàng tới đích; cá nhân tôi được Đảng, Nhà nước phong tặng danh hiệu: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

3. Tôi đây mới chính là anh hùng... "rơm"!

Mùa xuân năm 1968, tại Giáo xứ Giáp Hạ, nay là Giáo xứ Châu Thành, Giáo phận Vinh (thuộc xã Thạch Trung, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh) có người thanh niên người Công giáo là Phêrô Nguyễn Viết Hồng, mồ côi cha mẹ từ nhỏ, người gầy nhom, thấp bé, tình nguyện lên đường nhập ngũ. Sau ba tháng vừa hành quân vừa huấn luyện, anh được biên chế về làm Tiểu đội phó phụ trách hậu cần tại đơn vị công binh thuộc Binh đoàn 559. Nhiệm vụ của các anh là cảm tử rà phá bom rơi mỗi ngày trên đường Trường Sơn, giúp cho xe của bộ đội ta qua.

Đế quốc Mỹ trút xuống khúc ruột miền Trung mỗi ngày hàng ngàn tấn bom đủ loại hòng chặn đứng sự chi viện của miền Bắc cho chiến trường miền Nam. Quái ác thay, trong số hỗn hợp bom đó, kẻ thù thâm độc luôn ném kèm theo bom khoan với âm mưu một mặt khoan phá con đường huyết mạch của chiến dịch, một mặt khoan hố để đổ các loại bom khác có sức công phá lớn xuống lòng đất, đợi xe

ta qua, hay đợi bộ đội ta rà phá bom mìn chạm nhẹ là nổ. Đối mặt giữa sự sống và cái chết trong hoàn cảnh đó, người thanh niên Nguyễn Viết Hồng không hề quản ngại nguy hiểm đã mưu trí, dũng cảm, sẵn sàng quên mình phục vụ đồng đội, tốp này ngã xuống lại đến tốp sau đứng lên!

Thấy đồng đội mình hàng ngày, hàng giờ bị thương, ngã xuống, là một Tiểu đội phó phụ trách hậu cần, anh trăn trở và nghĩ ra được cách giảm thiểu thương tích cho đồng đội. Cách làm của anh thật đơn giản mà bấy lâu chưa ai nghĩ ra: anh dùng rơm, rạ kết thành bộ áo giáp mặc trong lúc rà phá bom mìn, cách làm này đã giảm thiểu đáng kể về thiệt hại sinh mạng cũng như sát thương cho cán bộ, chiến sĩ các đơn vị công binh trong Binh đoàn 559. Từ sáng kiến trên và cùng với những chiến công khác, đến đầu năm 1973, Nguyễn Viết Hồng đã được phong tặng danh hiệu: Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Đảng bộ chính quyền và nhân dân xã Thạch Trung cũng quyết định chọn đặt tên con đường trục chính của xã thành đường mang tên anh, đường Nguyễn Viết Hồng. Kể từ đó, câu chuyện của anh như một nguồn cổ vũ kỳ diệu đối với thanh niên địa phương lớp lớp tình nguyện lên đường! Câu chuyện khép lại bằng

một câu nói vui của người Anh hùng: "Chính tôi đây mới là anh hùng... "rơm"!"

4. Người hùng trên xứ lớn

Anh hùng Trần Lâm sinh năm 1952 tại giáo xứ Tam Tổng, Giáo phận Thanh Hóa. Tháng 7-1968, Trần Lâm tình nguyện lên đường nhập ngũ. Lúc đầu vào chiến trường, đơn vị anh đã gặp ngay thử thách: Cả đơn vị công binh của anh đang loay hoay không biết làm thế nào để giải quyết dứt điểm vùng bùn sinh lầy (ở rừng Trường Sơn) cho xe tăng và các phương tiện khác đi qua.

Trước tình hình đó, anh đưa ra giải pháp: "Phải vét bùn lầy đi, đổ đá, vật liệu cứng... xuống", nhưng thật trở trêu, nếu dùng sức người vực từng xô bùn, hất từng xẻng sỏi... thì phải cần tới mười lần quân số đơn vị anh và phải lao động ngày đêm liên tục trong cả tháng! Một sáng kiến vụt lóe lên trong đầu anh. Ở gần đó có một dòng suối chảy với cường độ rất mạnh, anh đã cho chặn đứng dòng chảy. Lợi dụng quy luật "nước chảy chỗ trũng", anh cho xẻ một con ngòi sang khu sinh lầy tạo thành dòng chảy mạnh như lũ ống để tự sức nước quét sạch khu sinh đó đi... Sau đó, anh cho phá đập, trả lại dòng chảy bình thường của con suối; còn

khu sinh lấy anh cho đá học, vật liệu cứng tổng xuống... xe ta lại băng băng qua. Sáng kiến trên của anh đã được đơn vị ghi nhận là độc đáo, dễ ứng dụng, tiết kiệm sức người sức của và là một trong những chiến công của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Trần Lâm.

Trần Lâm đã cống hiến tận tâm cho quân đội đến đầu năm 1991. Sau đó, ông trở về vui thú điền viên mà không màng đến vinh hoa, phú quý. Trong con mắt nhân dân địa phương, chữ Liêm trong ông luôn ngời sáng!

ĐẠI LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỨC NHUẬN - VỊ PHÁP CHỦ ĐẦU TIÊN CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

TRẦN KHÁNH DƯ*

Đệ nhất Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cố Đại lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận, thế danh Phạm Đức Nhuận, quê ở xã Hải Phương, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Hòa thượng là một vị chân tu khả kính, suốt đời vì đạo, vì đời. Tôi là một người may mắn có nhiều dịp được gần gũi Hòa thượng.

Là người làm công tác tôn giáo, chuyên trách về Phật giáo một thời gian dài, do đó tôi biết rõ về Hòa thượng. Ở Hòa thượng, việc đạo, việc đời được kết hợp hài hòa và quan hệ mật thiết với nhau. Càng gần Hòa thượng, tôi càng thấy kính trọng ngài hơn.

* Vụ Phật giáo - Ban Tôn giáo Chính phủ.

Ngược dòng thời gian, từ phong trào Phật giáo Cứu quốc trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, đến khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, rồi việc thành lập Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam (ở các tỉnh phía Bắc năm 1958) và hoạt động của Hội cho đến ngày thống nhất Phật giáo cả nước (năm 1981), mặc dù có vô vàn khó khăn (ở miền Bắc vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chi viện cho miền Nam đánh Mỹ) nhất là khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc, nhưng hoạt động của Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam vẫn được duy trì. Tuy có những mặt bị hạn chế nhưng ở thời điểm ấy dưới con mắt của các đoàn khách quốc tế khi đến thăm nước ta luôn có cái nhìn thiện cảm về các hoạt động của Phật giáo ở Việt Nam. Mọi hoạt động quốc tế của Phật giáo Việt Nam mà đại diện là Phật giáo ở các tỉnh phía Bắc vẫn diễn ra bình thường, khiến cho bạn bè quốc tế cảm phục. Những hoạt động đó đã góp phần vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất nước nhà. Như vậy, công sức của Ban lãnh đạo Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, công lao của cố Đại lão Hòa thượng Thích Trí Độ (Hội trưởng) là rất lớn, nhưng không thể không nhắc đến công lao của cố Đại lão Hòa thượng

Thích Đức Nhuận (Phó Hội trưởng), người mà tôi muốn nói đến.

Quá trình tu học, hành đạo của Hòa thượng: Vào đầu thập niên 50 của thế kỷ XX, khi đó, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta đang trong giai đoạn quyết liệt, vùng Hà - Nam - Ninh (tỉnh Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình) là nơi quân đội Pháp liên tục càn quét, đánh phá. Chùa Đồng Đắc, nơi Hòa thượng trụ trì thuộc huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình gần khu vực Phát Diệm - Bùi Chu là một "Thánh địa" của thực dân Pháp lúc bấy giờ. Chùa Đồng Đắc do Hòa thượng trụ trì tuy nằm sát khu Phát Diệm nhưng lúc đó mọi sinh hoạt vẫn diễn ra bình thường và cơ sở của cách mạng của ta ở nơi đó cũng được bảo toàn. Bọn tay sai của Pháp biết Hòa thượng là người có uy tín lớn đối với tăng ni, Phật tử trong vùng, sẽ là điều bất lợi cho chúng, nên chúng cho tay chân đến vừa vỗ về, mua chuộc, lôi kéo, vừa đe dọa, ép Hòa thượng tham gia tổ chức liên tôn do chúng dựng lên. Biết không thể cưỡng lại được, Hòa thượng giao chùa cho tăng chúng tự quản, rồi về chùa Hòe Nhai thuộc phố Hàng Than, Hà Nội, tiếp tục công việc hoằng pháp độ sinh, tham gia giảng dạy Phật học ở một số chùa và tham gia vào các hoạt động của Phật giáo Cứu quốc tại đây.

Sau ngày miền Bắc được hoàn toàn giải phóng (năm 1954), các vị cao tăng ở các tỉnh phía Bắc đã đề xuất vận động thống nhất Phật giáo, thành lập một tổ chức Phật giáo chung ở miền Bắc, Hòa thượng lại cùng với các vị cao tăng thành lập Ban Vận động và trở thành một trong những vị nòng cốt của cuộc vận động này. Sau hơn một năm tiến hành vận động thống nhất Phật giáo ở các tỉnh phía Bắc, tháng 3-1958, "Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam" được thành lập. Tại Đại hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam lần đầu tiên, Hòa thượng được Đại hội suy tôn vào Ban Chứng minh Đạo sư, kiêm Phó Hội trưởng Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam (khi đó, Hòa thượng Thích Trí Độ giữ chức Hội trưởng).

Là người bên cạnh Hòa thượng Hội trưởng, Hòa thượng Thích Đức Nhuận có một vai trò rất quan trọng là quy tụ và đoàn kết tăng ni, Phật tử ở các tỉnh phía Bắc hoạt động trong hội và giữ mối quan hệ với Phật giáo ở các tỉnh phía Nam. Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam hoạt động đã có những đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Trải qua ba kỳ đại hội, Hòa thượng luôn được tín nhiệm suy tôn vào Ban Chứng minh Đạo sư và suy cử vào vị trí

Phó Hội trưởng Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, kiêm chức giám luật. Trong quá trình đảm nhiệm những trọng trách nói trên, Hòa thượng Thích Đức Nhuận đã cùng với Hòa thượng Hội trưởng luôn tìm cách đưa hoạt động của Hội vào nền nếp, nhất là công tác giáo dục tăng ni, đào tạo tăng tài. Ngay sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (năm 1975), Hội đã xin phép Nhà nước cho mở các lớp bồi dưỡng đào tạo tăng ni khẩn cấp. Những lớp học ba tháng, sáu tháng liên tục được mở ra. Hòa thượng Thích Đức Nhuận luôn được Hòa thượng Thích Trí Độ ủy thác giữ trọng trách trong việc giáo dục, đào tạo này. Những học tăng của các khóa học nói trên, sau này đều đã đảm nhiệm tốt những nhiệm vụ quan trọng ở các cấp của Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, đến nay nhiều vị đã viên tịch, một số vị hiện còn đang giữ trọng trách trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Năm 1977, Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam được Nhà nước cho phép mở trường đào tạo tăng tài với thời gian dài hơn, mỗi khóa học là ba năm, nhằm mục đích đào tạo một lớp tăng ni trẻ làm nòng cốt cho hoạt động của Hội trong giai đoạn mới. Trường được lấy tên là Trường Tu học Phật pháp Trung ương, địa điểm đặt tại chùa Quán Sứ, Hà Nội, trụ sở của Hội. Đại lão

Hòa thượng Thích Đức Nhuận - Phó Hội trưởng Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, ngoài việc kiêm chức Phó Hiệu trưởng còn đảm nhiệm giảng dạy một số môn quan trọng.

Khi Đại lão Hòa thượng Thích Trí Độ viên tịch (năm 1978), Hòa thượng Thích Đức Nhuận được Hội suy cử lên thay thế vị trí Hội trưởng Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, kiêm chức Hiệu trưởng trường Tu học Phật pháp Trung ương. Với cương vị mới này, Hòa thượng lại cùng với các vị trong Ban Thường trực Trung ương Hội thúc đẩy các hoạt động của Hội. Công việc đào tạo tăng tài và nghiêm trì giới luật là một trong những Phật sự mà Hòa thượng luôn coi trọng. Hòa thượng luôn nhắc nhở tăng ni tu học và hành đạo phải đúng với chính pháp đạo Phật.

Trong những năm đất nước có chiến tranh, ở miền Bắc có cuộc vận động thực hiện nếp sống mới. Hòa thượng thấy cuộc vận động này là thiết thực và đúng với tinh thần giáo lý nhà Phật. Hòa thượng đã cùng với Ban Thường trực Trung ương Hội soạn thảo chương trình "Cải tiến lễ nghi tôn giáo" và công bố rộng rãi ra toàn xã hội, phổ biến, quán triệt đến các cấp Hội, xuống tới cơ sở các chùa để thực hiện; đồng thời Hòa thượng cùng với các vị trong Ban Thường trực Trung ương và Ban Nghi lễ của

Hội soạn thảo ra các thời khóa bằng tiếng Việt thay cho chữ Hán vẫn dùng trước đây. Những số sách như: Số cầu an, Số cầu siêu, Diệp quy y... được Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam (ở miền Bắc) soạn bằng chữ quốc ngữ và xuất bản, phát hành sử dụng rộng rãi tới các Chi hội Phật giáo ở các tỉnh phía Bắc.

Năm 1980, Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam được Nhà nước cho phép mở Trường Cao cấp Phật học Việt Nam. Thời gian của mỗi khóa học là bốn năm, với mục đích là để tăng ni sinh đã tốt nghiệp chương trình của Trường Tu học Phật pháp Trung ương có điều kiện học tiếp lên chương trình cao cấp để có trình độ cao hơn, đáp ứng các Phật sự quan trọng trong hoạt động của Hội. Sau năm 1981, Trường Cao cấp Phật học Việt Nam của Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam được chuyển giao sang Giáo hội Phật giáo Việt Nam quản lý, điều hành. Trường là cơ sở nền móng đầu tiên trong hệ thống giáo dục, đào tạo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Trường Cao cấp Phật học của Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam được phép khai mở. Khóa học được bắt đầu từ cuối năm 1981. Các tăng ni sinh của trường Tu học Phật pháp Trung ương được học tiếp chương trình cao cấp Phật học, sau khi tốt nghiệp đã được điều động về Văn phòng Trung ương Giáo hội và một số địa phương làm Phật

sự. Hiện nay, nhiều người đang giữ trọng trách trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Trong các khóa đào tạo dù ngắn hạn hay dài hạn, Hòa thượng cũng luôn quan tâm, nhắc nhở phải chú trọng giữ gìn giới luật và phải kết hợp học chữ Hán. Theo Hòa thượng thì kinh sách của Phật giáo chủ yếu bằng chữ Hán, nếu không thông thạo chữ Hán thì khi đọc kinh sách sẽ không hiểu hết được nghĩa lý của kinh điển.

Đầu Xuân Tân Dậu năm 1981, các vị giáo phẩm đứng đầu các tổ chức, hệ phái Phật giáo Việt Nam trong cả nước có cơ duyên hội ngộ tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trong dịp này, cùng với không khí sôi động của các tổ chức, đoàn thể quần chúng về sự vận động thống nhất tổ chức trong phạm vi cả nước, một số vị giáo phẩm đề xuất mở một cuộc vận động rộng rãi trong Phật giáo để thành lập một tổ chức Phật giáo chung trong cả nước theo ước nguyện của các vị tiền tổ trong cuộc vận động chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX. Một cuộc gặp mặt lịch sử được diễn ra. Đại lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận, Hội trưởng Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam (ở miền Bắc) được các vị giáo phẩm cung thỉnh đứng đầu Ban Cố vấn Chứng minh của Ban Vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam. Tuy biết đây là công việc khó khăn nhưng Hòa thượng vẫn hoan hỉ đảm nhận

trọng trách mà hàng giáo phẩm trong Phật giáo cả nước ủy thác.

Vào thời điểm ấy, đất nước đang phải trải qua thời kỳ hết sức khó khăn về kinh tế. Trong bối cảnh đó, việc vận động thống nhất Phật giáo để thành lập một tổ chức Phật giáo chung trong cả nước là một vấn đề không đơn giản. Ngay sau khi mới hình thành danh sách, Ban Vận động đã vướng phải trục trặc, tiếp theo là có nhiều ý kiến về quan điểm, hình thức tổ chức bộ máy, cách sắp xếp nhân sự... Không chỉ có những khó khăn trong nội bộ Phật giáo, mà ngoài xã hội cũng có nhiều ý kiến về vấn đề này. Tôi được biết vào thời điểm ấy, mặc dù có nhiều sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến Hòa thượng, nhưng Hòa thượng đã xử lý một cách uyển chuyển làm cho tình hình dịu đi. Có trường hợp thì Hòa thượng nhẹ nhàng thuyết phục, có trường hợp thì Hòa thượng viết thư để cảm hóa, do đó, những thông tin trái chiều dần dần được hạn chế. Công cuộc vận động thống nhất Phật giáo trong cả nước có lúc tưởng chừng như bế tắc, nhưng rồi cũng lại vượt qua được. Có lẽ, đúng như một số tăng ni, Phật tử thường nói: Nhờ có uy đức của Hòa thượng mà trên thì Nhà nước ủng hộ, dưới thì tăng chúng hướng về, nên cuộc vận động thống nhất chỉ sau gần hai năm với sự nỗ lực của các vị cao

tăng thạc đức và tăng tín đồ trong cả nước đã đạt kết quả một cách viên mãn. Một tổ chức chung của Phật giáo trong cả nước được thành lập mang tên là Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Hòa thượng Thích Đức Nhuận được Đại hội suy tôn vào ngôi vị cao nhất của Giáo hội: Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Hòa thượng Thích Đức Nhuận luôn nhắc nhở tăng chúng phải thực hành nghiêm giới luật, tôn trọng chính quyền các cấp, chấp hành đúng các quy định của Nhà nước và địa phương, nhưng đồng thời, Hòa thượng cũng mạnh dạn kiến nghị nhằm giải quyết những vấn đề gây bức xúc trong tăng chúng: có lần, Hòa thượng đến gặp cơ quan chuyên trách của Nhà nước để đề đạt nguyện vọng của tăng ni; có lần, Hòa thượng nêu thẳng vấn đề với lãnh đạo Nhà nước. Nhiều người còn nhớ, ngay sau khi Đại hội Thống nhất Phật giáo thành công (ngày 7-11-1981), các đại biểu dự Đại hội đến Phủ Chủ tịch để báo cáo kết quả Đại hội với Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Thủ tướng đã thay mặt Nhà nước chúc mừng thành công của Đại hội và chúc mừng Hòa thượng vừa được Đại hội suy tôn lên ngôi vị cao nhất của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Thủ tướng cũng mong rằng trên cương vị mới của mình, Hòa thượng động viên tăng ni, Phật tử Việt Nam ở trong và ngoài nước đoàn kết cùng nhau xây

dựng đất nước, xây dựng Giáo hội Phật giáo Việt Nam ngày một vững mạnh. Thủ tướng vừa dứt lời thì Hòa thượng đã thông thả đứng lên chấp tay niệm Phật và cảm ơn những lời chúc tốt đẹp của Thủ tướng và hứa sẽ hoàn thành tốt trọng trách, nhiệm vụ mà Chính phủ tin tưởng giao phó. Đồng thời Hòa thượng cũng đưa một bản kiến nghị trình lên Thủ tướng, xin Thủ tướng chấp thuận và chỉ thị cho các cấp chính quyền ủng hộ cho Phật giáo ở địa phương thực hiện. Kiến nghị gồm ba vấn đề lớn mà ngày nay những điều đó đã được thực hiện một cách tốt đẹp đó là: mở hệ thống trường đào tạo; người thừa kế; tự do tín ngưỡng.

Trong quá trình giữ ngôi vị Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, từ tháng 11-1981 đến tháng 12-1993, Hòa thượng luôn quan tâm đến sự đoàn kết, hòa hợp trong Giáo hội. Mỗi khi có vấn đề gì gợn lên, Hòa thượng đều kịp thời uốn nắn bằng nhiều hình thức, khi thì nhẹ nhàng nhắc nhở, khi thì có thông điệp gửi các cấp Giáo hội kêu gọi giữ gìn nếp sống thiền gia, lục hòa cộng trụ, đoàn kết xây dựng Giáo hội vững mạnh, góp phần xây dựng đất nước thanh bình, an lạc. Với uy đức bao trùm của Hòa thượng, cộng với sự trợ duyên từ bên ngoài, mọi khó khăn, thử thách đều vượt qua, đưa Giáo hội ngày càng phát triển, lớn mạnh. Tôi đã từng

được nghe một vị cao tăng có vị trí cao trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam ca ngợi công đức của Hòa thượng khi nói đến việc xây dựng Giáo hội như sau: Nhờ có "Ông" Đức Nhuận là cây đại thụ trong hàng giáo phẩm đứng ra làm trụ cột nên cuộc vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam trong cả nước mới sớm được thành tựu. Cuộc vận động đã quy tụ được đông đảo tăng ni về một mối, và giữ vững được sự đoàn kết thống nhất của Giáo hội. Vị cao tăng này cũng nói thêm rằng: Sơn môn Đồng Đắc từ lâu đã nổi tiếng mẫu mực về việc giáo dục tăng ni, đào tạo tăng tài trong Phật giáo cả nước.

Vào giữa năm 1980, nhân nói đến hoạt động của Ban Vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam và vai trò của cá nhân trong tổ chức, một vị quan chức đã nói: Trước đây, ông Đức Nhuận là người không dễ mà thuyết phục được, không phải nói gì ông ấy cũng nghe theo nên nhiều người cho rằng ông ấy là người "chống đối", không cộng tác, nhưng bây giờ lại có tác dụng tích cực, có lẽ nhờ có bản lĩnh và phong cách đó mà ông quy tụ được tăng ni, Phật tử trong cả nước.

Cũng cần nói thêm một việc có ý nghĩa "lợi đạo, ích đời" nữa là vào giữa những năm 80 của thế kỷ XX, có một vị thượng tọa ở nước ngoài về nước có đề đạt ý kiến muốn xin Hòa thượng

Thích Đức Nhuận với uy đức của mình viết thư cho một nhân vật có tâm cỡ là người Việt Nam ở nước ngoài, mà người này thông qua một số bạn bè của ông ta và cũng chính do cả thượng tọa giới thiệu đã biết đến Hòa thượng và rất hâm mộ Hòa thượng. Nếu được Hòa thượng viết thư cảm hóa và dẫn dắt để nhân vật này quy y Tam Bảo thì rất có lợi (theo vị thượng tọa đó thì nhân vật này cũng có thiện tâm và có hướng quy y Tam Bảo). Biết được việc này, Hòa thượng đã vui vẻ nhận lời và công việc được triển khai một cách thuận lợi. Sau khi được Hòa thượng trao truyền giới luật quy y Tam Bảo, tình thầy trò giữa Hòa thượng và vị Phật tử ở nước ngoài trở nên gắn bó, có tác động tốt đến sự đoàn kết Phật tử Việt kiều ở nước ngoài.

Tôi ghi lại đôi điều trên đây cũng là để thể hiện tấm lòng tưởng nhớ đến một vị cao tăng mà tôi hằng trân trọng.

HIỂN HÁCH QUẢNG PHÚC ANH HÙNG¹

VŨ THÀNH NAM*

"Lũy thép bờ bắc sông Gianh", đó là những mỹ từ danh thép nhất mà nhân dân cả nước tin tưởng trao tặng cho nhân dân xã Quảng Phúc, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Đây cũng là xã Công giáo duy nhất trong cả nước có tập thể và hai giáo dân là Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Trở lại Quảng Phúc vào một ngày giữa tháng 8-2013, câu chuyện về những người con anh hùng ở nơi đây càng khiến tôi vô cùng cảm phục.

* Báo *Người Công giáo Việt Nam*.

1. Bài đăng trên báo *Người Công giáo Việt Nam*, số tháng 7, 2012.

1. Giáo xứ hào hùng



Thánh đường Giáo xứ Tân Mỹ

Quảng Phước là một xã giáp biển, ven sông, diện tích chỉ vùn vện vài kilômét vuông nhưng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nơi

này đã phải trải qua 4.886 trận đánh, gánh tới 33.991 quả bom tạ của đế quốc Mỹ, chia trung bình mỗi người dân chịu 7 quả... Trước sự đánh phá ác liệt của kẻ thù, nhân dân Quảng Phúc vẫn không chịu khuất phục, kiên cường chiến đấu với những tấm gương tiêu biểu như: chị Nguyễn Thị Xuân một mình một trận địa với 23 viên đạn đại liên, bắn hạ máy bay F4H; anh Đoàn Xuân Giản lấy thân mình làm giá súng cho đồng đội bắn hạ máy bay hạng nặng, góp vào thành tích chung cả xã bắn hạ 6 chiếc máy bay; chị Nguyễn Thị Đình (18 tuổi), chị Nguyễn Thị Luyện (17 tuổi) mỗi người vác một kết đạn pháo 37 ly mà bình thường hai người vác còn nặng, vẫn vui phơi phới hướng tới chiến trường. Bà con phân công nhau thành 10 trung đội, trong đó có một trung đội chỉ toàn là phụ nữ làm nhiệm vụ khâu vá và động viên, cứu thương, nuôi dưỡng thương binh, trong đó có cả thương binh quân chủ lực... Thời kỳ ấy, 98% dân số xã Quảng Phúc là giáo dân.

Được biết, kể từ thời kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cứu nước cho tới nay, cấp ủy, chính quyền và đoàn thể xã Quảng Phúc đều do những đảng viên gốc Công giáo phụ trách. Theo số liệu mới nhất, hiện nay, do tình hình đô thị hóa, một số bà con từ nơi khác đến định cư, nhưng số giáo dân vẫn còn trên 90%, được xem như toàn tòng

với trên 8.000 giáo dân sống ở hai Giáo xứ Đơn Sa và Tân Mỹ.

Ngược dòng thời gian để tri ân những giáo dân kính Chúa, yêu nước, để thấy công lao của họ trong công cuộc giải phóng dân tộc, bảo vệ đất nước. Trong những năm tháng chiến tranh ác liệt ấy, bà con giáo dân xã Quảng Phúc luôn xác định mục tiêu: "Thà tìm mình ngừng đập quyết không để mạch máu giao thông của Tổ quốc bị chia cắt", "Xe chưa qua nhà không tiếc". Ngoài chiến đấu bảo vệ làng xã, bà con còn cung cấp gỗ, vật liệu, nhiên liệu cho bộ đội chủ lực đóng quân và đi qua trên địa bàn xã với tổng số trên 13 ngàn ngày công. Có những hôm bom nổ liên tục vào phà Giang, đội dân quân du kích và nhân dân đã nhanh trí kết thuyền, mủng cho xe và bộ đội qua sông. Với công lao đó, năm 1969, Đảng, Nhà nước đã ghi nhận và phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cùng với 73 bằng khen, 35 giấy khen và các phần thưởng khác cho tập thể Đảng bộ, nhân dân xã Quảng Phúc.

2. Giáo dân anh hùng

Ngày 5-6-1964, trận địa đầu tiên mà đế quốc Mỹ đánh phá ra miền Bắc chính là địa bàn xã Quảng Phúc. Cụ Giuse Lê Văn Hiến, giáo dân Giáo xứ Tân Mỹ, người giáo dân yêu nước đã đem hết công sức và của cải chống lại quân thù

ngay từ ngày đầu tiên đến ngày giành toàn thắng... khi thấy đơn vị C24 Hải quân của ta bắn rơi máy bay địch tại chỗ, cụ liền tự mình vác con lợn 35 kg trong chuồng đến mổ khao các anh bộ đội. Ông Mai Văn Yên, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã Quảng Phúc kể lại: "Mặc cho mưa bom bão đạn đang trút trên đầu, cụ vẫn ke (mổ) lợn khao quân". Tuy tuổi già nhưng cụ vẫn dũng cảm ra trận cống anh em bị thương đi cứu chữa. Năm 1967, cụ được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng thưởng huy hiệu của Người. Ngày 25-8-1970, cụ được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.

Quảng Phúc còn có một người con anh hùng với câu nói nổi tiếng: "Thà hy sinh chứ không chịu mất đảo. Hãy để cho máu của mình tô thắm lá cờ truyền thống của Quân chủng Hải quân Anh hùng". Đó là câu nói cuối cùng trước khi hy sinh của Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Phêrô Trần Văn Phương.

Câu chuyện bất khuất của anh Phương luôn được người dân Quảng Phúc truyền tụng và ngợi ca trong sự kiện hải chiến Trường Sa năm 1988. Đầu tháng 3-1988, hải quân Trung Quốc cho nhiều tàu chiến khiêu khích và chiếm đóng đảo đá ngầm Chữ Thập và Châu Viên. Lúc này, đồng chí Trần Văn Phương được cấp trên bổ nhiệm làm Phó Chỉ huy trưởng đảo Gạc Ma (thuộc cụm đảo Sinh Tồn - quần đảo Trường Sa).

17 giờ ngày 13-3-1988, tàu chiến hải quân Trung Quốc kéo đến, gọi loa, buộc tàu của Hải quân nhân dân Việt Nam phải rời đảo. Mờ sáng ngày 14-3, Hải quân Trung Quốc hạ xuồng cho lính tiến về phía lá cờ Việt Nam. Đồng chí Trần Văn Phương tổ chức lực lượng, động viên chiến sĩ bình tĩnh, quyết bảo vệ lá cờ Tổ quốc. Khi quân địch xông vào cướp cờ, không sợ hy sinh, Trần Văn Phương lao vào giật lại lá cờ Tổ quốc. Tính mạng của một chiến sĩ bị uy hiếp, anh không ngần ngại lao vào cứu và bị trúng đạn, hy sinh. Gương anh dũng hy sinh của Trần Văn Phương đã cổ vũ cán bộ, chiến sĩ trên đảo kiên quyết bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc mình.



Mẹ Đức bên mộ con trai tại Quảng Phúc

Tiếp nối truyền thống anh hùng của anh trai mình, anh Trần Văn Hồng đã tiếp bước vào Quân chủng Hải quân. Năm 1993, anh Hồng đã ra tận đảo đưa hài cốt anh trai mình về nghĩa trang địa phương an táng.

Về Quảng Phúc thấp hươg cho anh, bà Hồ Thị Đức (mẹ anh Phương) đã xúc động kể nhiều câu chuyện về anh. Hiện nay, bà Đức vẫn giữ viên đạn mà quân địch bắn vào con trai mình. Bà bảo rằng, bà phải giữ viên đạn này để kể cho con cháu sau này hiểu về sự hy sinh của các thế hệ cha anh đi trước. Tiếp nối truyền thống của cha mình, con gái anh, Trần Thị Mai Thủy đã ra Trường Sa công tác và hiện nay cô đang là nữ công nhân viên quốc phòng (bộ phận văn thư bảo mật) - Lữ đoàn 146, Vùng 4 Hải quân.



Đồng chí Mai Thủy - con gái anh Phương tại đơn vị

NGHĨA TÌNH NHÂN ÁI CỦA HỌ ĐẠO CAO ĐÀI MINH ĐỨC¹

MINH THIÊN*

Họ đạo Cao đài Minh Đức thuộc Hội thánh Cao đài Tiên Thiên ngụ tại số 230/4 Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang là một trong những họ đạo tiêu biểu của đạo Cao đài làm tốt công việc từ thiện. Họ đạo Cao đài Minh Đức có hơn 100 tín đồ, Hội trưởng là Giáo hữu Nguyễn Thị Bảo. Tại thánh tịnh có phòng khám, chữa bệnh, bốc thuốc từ thiện do lương y Tăng Phước Thành làm Chủ nhiệm gồm hai bộ phận: Phòng chẩn trị số 1 và cơ sở sản xuất thuốc đông nam dược Ngọc Liên.

Phòng chẩn trị số 1 là nơi khám, chữa bệnh từ thiện miễn phí cho bà con bốn đạo và nhân

* Vụ Cao đài, Ban Tôn giáo Chính phủ.

1. Bài đăng trên tạp chí *Công tác tôn giáo*, số 3, 2008.

dân trong tỉnh Tiền Giang. Với đội ngũ lương y có tâm, có đức, phòng khám đã có nhiều đóng góp tích cực trong công tác từ thiện ở địa phương. Hằng năm, Phòng chẩn trị số 1 đã thực hiện việc khám và điều trị cho hơn ba vạn lượt người với tổng số tiền miễn phí trên 30 triệu đồng. Lương y Tăng Phước Thành là người chuyên chế thuốc bằng công thức gia truyền của gia đình. Trong quá trình nghiên cứu, ông đã sáng chế ra 12 mặt hàng đông dược được lưu hành trong toàn quốc. Ông cùng với Giáo hữu Hoàng Công Thiện, Lễ sanh Trần Văn Hiến... là những tấm gương điển hình trong công việc khám, chữa bệnh từ thiện của Phòng chẩn trị số 1. Thực hiện phương châm "sống tốt đời, đẹp đạo", các lương y coi cứu giúp người bệnh là công quả cao nhất của người tín đồ đạo Cao đài, góp phần đem lại niềm vui cho mọi người tránh khỏi ốm đau, bệnh tật.

Cơ sở sản xuất thuốc nam Ngọc Liên chuyên bào chế, sản xuất thuốc cung cấp cho Phòng chẩn trị và nhân dân trong, ngoài tỉnh. Trưởng cơ sở sản xuất thuốc nam Ngọc Liên chính là Giáo hữu Nguyễn Thị Bảo - Hội trưởng thánh tịnh Minh Đức. Năm 1999, cơ sở sản xuất thuốc đông nam dược Ngọc Liên được Bộ Y tế cấp kinh phí để nâng cao chất lượng sản phẩm với sự phối hợp của Trường Đại học Y - Dược Thành

phố Hồ Chí Minh và Viện Nghiên cứu Y học Dân tộc. Tháng 5-2002, bài thuốc tiêu phong nhuận gan số 40 được nghiệm thu và đạt tiêu chuẩn quốc gia cùng 11 dược phẩm khác được lưu hành toàn quốc như: tiêu phong nhuận gan (bao viên), tiêu phong nhuận gan, bổ gân tê bại, bổ thận ích tinh kiện lực toàn, sỏi thận hoàn, cảm nhức mũi, cảm ho, dạ dày, ho số 5, phong thấp cốt thống, côn xoa bóp; và 10 sản phẩm khác được lưu hành trong tỉnh.

Công việc chữa bệnh và bốc thuốc từ thiện của họ đạo đã để lại tình cảm tốt đẹp trong bà con bốn đạo Cao đài nói riêng và người dân tỉnh Tiền Giang nói chung. Những người đến khám, chữa bệnh nơi đây đều nhận thấy sự ấm áp của tình người, sự chăm sóc ân cần của các lương y như tình thương yêu ruột thịt. Đó chính là công quả tạo nên âm chất của chúc sắc, tín đồ họ đạo Cao đài Minh Đức dâng lên đức Chí tôn.

Với đóng góp đó, Phòng thuốc đã được Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tặng bằng khen; Bộ Y tế tặng ba Huy chương vì sức khỏe nhân dân; Trung ương Hội Đông y tặng ba bằng khen; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Tiền Giang tặng hai bằng khen; Sở Y tế tỉnh Tiền Giang tặng hai giấy khen; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố Mỹ Tho tặng ba giấy khen, Tỉnh Hội Đông y Tiền Giang tặng bảy giấy khen...

Ngoài ra, thánh tịnh Minh Đức còn là trụ sở của Ban Đại diện Cao đài Tiên Thiên tỉnh Tiền Giang. Ban Đại diện hoạt động có hiệu quả, thu hút được đông đảo các họ đạo trong tỉnh hưởng ứng hiến chương, đường hướng hành đạo của Hội thánh, đồng thời tích cực tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương, góp phần xây dựng ổn định giáo hội và được bà con bốn đạo tín nhiệm.

Năm 2004, chúc sắc, tín đồ họ đạo Minh Đức tiến hành xây mới ngôi thánh tịnh theo mô hình truyền thống của đạo Cao đài có đủ tam đài thờ đức Chí tôn. Cuối tháng 11-2005, bốn đạo Minh Đức vui mừng, phấn khởi tổ chức lễ khánh thành thánh tịnh mới với đông đảo chúc sắc, tín đồ của Hội thánh và các tỉnh, thành phố có Cao đài Tiên Thiên về dự. Đây cũng là niềm vui của những lương y "áo trắng", những người đem lại niềm vui, sức khỏe cho mọi người, góp phần chăm sóc đức tin, củng cố tinh thần hành đạo ngày càng tinh tiến cho chúc sắc, tín đồ họ đạo Minh Đức nói riêng và Cao đài Tiên Thiên nói chung. Với những đóng góp trong hoạt động từ thiện nhân đạo, Phòng chẩn trị số 1 đã được Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba năm 2009.

Cơ sở có 19 người với mức lương trung bình là 600.000 đồng/tháng. Người đứng đầu cơ sở là

lương y Tăng Phước Thành, với vợ là chị Nguyễn Thị Bảo. Hai người không có con, chuyên lo công việc làm từ thiện. Địa chỉ gia đình ở số 147/4 Lê Thị Hồng Gấm, phường 6, thành phố Mỹ Tho.

Phòng chẩn trị số 1 gồm ba lương y: Tăng Phước Thành, Lễ sanh Trần Văn Hiến, Giáo hữu Hoàng Công Thiện - Phó Ban cai quản thánh tịnh Minh Đức.

Chuyện kể rằng, một vị mục sư ở quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh mắc chứng bệnh lạ, toàn thân bị lở loét, đã đến cơ sở khám bệnh. Sau một tháng điều trị, các lương y dùng phương pháp cắt máu độc, hốt thuốc cho uống đã khỏi bệnh. Cảm kích trước tấm lòng của các lương y của Phòng chẩn trị số 1, vị mục sư sau này vẫn thường xuyên qua lại, thăm hỏi các lương y.

Ban Đại diện Cao đài Tiên Thiên tỉnh Tiền Giang đã có nhiều hoạt động tích cực góp phần cùng Hội thánh Cao đài Tiên Thiên tại Bến Tre ổn định nền đạo. Hoạt động của Ban Đại diện đã thu được một số thành tựu nhất định, thu hút được đông đảo số họ đạo trong tỉnh tham gia sinh hoạt, nhưng do tình hình chung là một số hội thánh Cao đài sau khi được công nhận về tổ chức và hoạt động thì vẫn còn một số họ đạo chưa tham gia Giáo hội.

PHÒNG KHÁM TỪ THIỆN TAM TÔNG MIẾU: "LIÊN KẾT TÔN GIÁO - MỘT TRÁI TIM"

MINH TIỆP*



Phòng khám từ thiện Tam Tông Miếu

* Vụ Cao đài, Ban Tôn giáo Chính phủ.

Năm 2011, Hội thánh Minh Lý đạo - Tam Tông Miếu đã khai trương Phòng khám từ thiện tại trụ sở Hội thánh, số 82 Cao Thắng, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là phòng khám từ thiện đầu tiên trên địa bàn thành phố có sự tham gia cộng tác của nhiều tôn giáo khác nhau như: Cao đài, Công giáo và Phật giáo,... Với phương châm khám, chữa bệnh từ thiện cho mọi người không phân biệt đối tượng và địa phương, sau gần hai năm đi vào hoạt động, Phòng khám từ thiện Tam Tông Miếu thực sự đã trở thành điểm đến tin cậy của nhiều bệnh nhân nghèo.

Theo lời giới thiệu của ông Tổng lý Tường Định, Đạo trưởng, chủ trì Minh Lý đạo - Tam Tông Miếu thì từ buổi sơ khai, các vị chức sắc tiền khai đạo như ngài Minh Chánh, Minh Giáo, Minh Trực, Minh Đàm,... đã chữa bệnh làm phước bằng nhân diện tại gia, đến khi có cơ sở thờ tự thì dành một góc nhỏ gọi là Tặng Dược Thất làm nơi chữa bệnh và phát thuốc miễn phí cho đồng bào nghèo. Sau khi ngài Minh Chánh quy liễu và đất nước có chiến tranh, Tặng Dược Thất tạm ngừng hoạt động. Vào những năm 60 của thế kỷ XX, bác sĩ Nguyễn Hồng Luông mở lại phòng khám tại Tam Tông Miếu để chẩn

đoán và phát thuốc miễn phí cho đồng bào. Từ năm 1972 đến năm 1975, phòng khám phát triển mạnh do có sự cộng tác của nhiều bác sĩ, dược sĩ và lương y đến từ các tôn giáo khác nhau, bao gồm khám, chữa bệnh bằng cả đông y và tây y. Từ năm 1975 đến năm 1992, phòng khám chỉ còn khám, chữa bệnh bằng đông y và châm cứu do ngài hộ pháp Liên Hoa chăm sóc, sau đó lại ngừng hoạt động vì thiếu một số điều kiện thiết yếu.

Phòng khám từ thiện Tam Tông Miếu hiện nay gồm bảy bác sĩ, bốn dược sĩ, bảy lương y, ba điều dưỡng và 10 tình nguyện viên, dưới sự phụ trách của bác sĩ Nguyễn Tấn Trí và dược sĩ Ngô Thị Tư. Bên cạnh đó, phòng khám luôn được sự hỗ trợ đắc lực của ông Tổng lý Tường Định, ông Đại bác Lâm Lý Hùng và toàn thể môn sinh Minh Lý đạo. Tất cả mọi người đều làm thiện nguyện, không nhận lương và đóng góp tiền để mua thuốc phục vụ bà con nghèo. Các bác sĩ, dược sĩ, lương y, điều dưỡng và thiện nguyện này tuy đến từ nhiều tôn giáo khác nhau nhưng cùng một mục đích là phụng sự nhân sinh, phục vụ các bệnh nhân một cách bình đẳng, không phân biệt tôn giáo, đẳng cấp, tận tâm, hòa ái.

Hướng đi của Phòng khám từ thiện Tam Tông Miếu là phục vụ hoàn toàn miễn phí trong khả năng hiện có của mình với chất lượng tốt nhất như lời của ông Đại bác Lâm Lý Hùng nói nhân dịp khai trương: "Các tôn giáo có phần chung là đạo làm người, dù người không theo một tôn giáo truyền thống nào thì cũng có đạo làm người, cũng như các nhân viên y tế đều có y đức. Phòng khám này chỉ là nơi để thể hiện lòng nhân ái, đó là một phần nhỏ của nhân đạo, để đem đến cho đồng bào những chăm sóc y tế cần bản cần thiết".

Theo bác sĩ Nguyễn Tấn Trí, trung bình mỗi ngày có khoảng 20 bệnh nhân đến khám bệnh và châm cứu. Đối tượng chủ yếu là những người nghèo, người tạm cư, không có bảo hiểm y tế, không có hộ khẩu, ngoài ra còn có các bệnh nhân đã khám, chữa bệnh tại các bệnh viện lớn mà chưa khỏi muốn đến đây nhờ y đức, kinh nghiệm của các bác sĩ để chữa bệnh.

Phòng khám chủ yếu điều trị bằng tây y nhưng do nhu cầu châm cứu của bệnh nhân và sự phát tâm công quả của các lương y, từ tháng 8-2011, phòng khám mở thêm một phòng châm cứu vào các ngày thứ ba, thứ tư, thứ năm và thứ sáu hằng tuần. Phòng khám cũng có nhiều dụng cụ y học tiên tiến, hiện

đại, đặc biệt cần thiết như: máy siêu âm tổng quát, điện tâm đồ, siêu âm đo mật độ xương,... Các bác sĩ của Phòng khám luôn dành nhiều thời gian khám bệnh, giải thích cho bệnh nhân hiểu về bệnh tình của họ và hỏi thăm tâm tư của bệnh nhân. Phòng khám không chỉ giúp bệnh nhân phòng, chữa bệnh về phần thân thể mà còn giúp đỡ họ về mặt tinh thần, tâm linh nhờ sách báo của Đạo.

Bác sĩ Nguyễn Tấn Trí, phụ trách Phòng khám chia sẻ: "Dù đây là phòng khám bệnh miễn phí nhưng chúng tôi muốn đem đến cho bệnh nhân một sự khám bệnh đầy đủ như tại một bệnh viện, một nơi bác sĩ dành nhiều thời gian đối thoại với bệnh nhân hơn". Ông cũng ước mong ngày hôm nay như là thời điểm "số 1", từ từ sẽ có thêm "số 0" để thành "10" rồi lại thêm "số 0" để thành "100". Mong muốn của ông được hiểu là việc chữa bệnh cho bệnh nhân nghèo ngày càng tăng về số lượng và chất lượng điều trị.

Được biết, trong năm 2012, Phòng khám đã tổ chức được nhiều đợt khám, chữa bệnh, phát thuốc miễn phí và tặng trang thiết bị y tế cho bà con nghèo ở vùng sâu, vùng xa, vùng còn gặp khó khăn về y tế. Đặc biệt, ngày 8-7-2012, tập thể bác sĩ, dược sĩ của Phòng khám cùng với

tình nguyện viên của Ngân hàng HSBC Việt Nam đã đến xã Lợi Bình Nhơn, thành phố Tân An, tỉnh Long An để khám bệnh và phát thuốc miễn phí cho gần 1.000 người dân nghèo và người cao tuổi tại đây với tổng kinh phí là 150 triệu đồng. Nhóm tình nguyện còn tổ chức buổi tập huấn phương pháp sơ cấp cứu cho các hộ gia đình trong các trường hợp bị bỏng, nghẹn, chấn thương, côn trùng đốt, đuối nước,... Cũng trong dịp này, đoàn còn tặng 100 bộ tủ thuốc gia đình cho các hộ gia đình để phục vụ nhu cầu chữa bệnh thông thường khi không có điều kiện đến cơ sở y tế. Bên cạnh đó, Phòng khám còn hỗ trợ Hội Từ thiện Chí Tâm, Hội Từ thiện Phú Sơn Lâm, Chi hội người cao tuổi "Ngôi nhà hạnh phúc" và các chi hội khác về thuốc và dụng cụ y tế cần thiết.

Thế giới mà chúng ta đang sống còn rất nhiều người đói nghèo, bất hạnh đang cần đến sự chăm sóc về vật chất và tinh thần, còn rất nhiều bệnh nhân đang ở ranh giới giữa sự sống và cái chết đang cần đến sự chung tay giúp đỡ của cộng đồng. Những việc làm thiện nguyện của Phòng khám từ thiện Tam Tông Miếu thật đáng biểu dương và trân trọng, thể hiện tinh thần đoàn kết tôn giáo, cùng chung tay chăm sóc sức khỏe cho người nghèo.

**Tập thể nhân viên Phòng khám từ thiện
Tam Tông Miếu**





"BEETHOVEN VIỆT NAM" - NHẠC SĨ NGUYỄN VĂN QUỲ LÀ MỘT NGƯỜI CÔNG GIÁO YÊU NƯỚC¹

VŨ THÀNH NAM*

Nhạc sĩ Nguyễn Văn Quỳ sinh năm 1925, ông chuyên viết những bản sonate dành cho violon và piano và còn sáng tác khoảng 20 ca khúc nổi tiếng khác. Ông trở thành nhà soạn nhạc cổ điển duy nhất ở Việt Nam hoàn thành được chín bản sonate. Ông được trao giải Nhì (không có giải Nhất) của Hội Nhạc sĩ Việt Nam cho bản sonate số 4 (năm 1995) và bản sonate số 8 (năm 2005). Năm 2009, ông được Đại sứ quán Thụy Sĩ tại Hà Nội trao tặng Giải thưởng Văn hóa di sản Patrimoenia 2009 của Thụy Sĩ... Đạt được những thành tựu lớn như vậy trong âm nhạc, nhưng ít người biết rằng ông là một

* Báo *Người Công giáo Việt Nam*.

1. Bài đã đăng trên báo *An ninh thế giới*, tháng 11-2011.

giáo dân thuộc xứ Nhà thờ Lớn Hà Nội; lại càng ít người biết đến hình ảnh người cầm cây đàn ghi ta ca hát say sưa trong buổi đón chào đoàn quân cách mạng trở về giải phóng Thủ đô Hà Nội mà chúng ta được xem lại qua thước phim tư liệu lại chính là người giáo dân yêu nước, nhạc sĩ Nguyễn Văn Quỳ.

1. Người thanh niên yêu đạo và yêu nước

Người thanh niên Công giáo, Phaolô Nguyễn Văn Quỳ sinh ra tại phố cổ Hà Nội. Lớn lên, anh theo học cấp I tại Trường Thầy dòng. Trong số bạn bè theo học ở trường này, sau này đã có người trở thành linh mục như Linh mục Đỗ Tông - Chính xứ Nhà thờ Lớn.

Khi phong trào cách mạng chống thực dân Pháp và phát xít Nhật nổ ra tại Hà Nội, ông đã có các hoạt động cách mạng như phát tán truyền đơn, bản tin, báo, bán các bản nhạc cách mạng nhằm gây quỹ cho phong trào thanh niên cách mạng thành Hoàng Diệu. Khi đó, phát xít Nhật tuần tra ráo riết, nếu bắt được ai làm những hành động như thế, chúng sẽ bắt đặt tay lên cây cột điện rồi chặt phăng đi... hoặc đưa về nhà Tiên (Cống Vị) tra tấn một cách tàn ác.

Trước ngày giải phóng Thủ đô, ông được giao thêm nhiệm vụ tổ chức thanh niên và học

sinh kháng chiến nội thành ra bờ hồ Hoàn Kiếm để đón đại quân về giải phóng Thủ đô. Ông đã sáng tác một số bài hát cách mạng như: "Hà Nội giải phóng", "Hoàn hô đại quân giải phóng Thủ đô" và tổ chức huấn luyện bài hát cho từng tổ năm người, năm người này lại tổ chức đi dạy lại các nhóm khác. Đến ngày giải phóng, từ số nhà 13 Nguyễn Quang Bích, Hà Nội (ngôi nhà ông vẫn ở từ đó đến nay) đã có một đoàn trên 200 người là thanh niên và học sinh kháng chiến với lá Quốc kỳ lớn đi đầu tiến ra bờ hồ Hoàn Kiếm chào đón đại quân. Hình ảnh này đã được đạo diễn Cécmen (Liên Xô) ghi lại trong phim *Việt Nam trên đường thắng lợi*. Riêng bài hát *Hà Nội giải phóng* được đăng trên báo *Tiền phong*, in màu, tại bìa 4 - số bí mật cuối cùng, còn trang nhất là hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Con đường âm nhạc của ông bắt nguồn từ người cha chơi đàn bầu. Những dịp bạn bè của cha tụ hội về ca hát, luyện tập, ông lại được các bậc tiền bối chỉ bảo, kết hợp việc ông học ở Trường Thầy dòng, luôn được giảng dạy nền âm nhạc phương Tây đã vun đắp tài năng âm nhạc trong ông. Và một nơi nữa, ông cũng hết sức trân trọng, đánh giá cao, là nơi ông cống hiến tôn giáo của mình, đồng thời cũng là nơi để ông

thỏa sức nâng cao tiếng hát, phím đàn của mình dâng lên Thiên Chúa, đó là dàn đồng ca Nhà thờ Lớn Hà Nội - nơi ông tham gia hát Thánh ca rất tích cực vào mỗi buổi thánh lễ Chúa nhật. Kể về những năm tháng ấy, nhạc sĩ Nguyễn Văn Quý hào hứng tâm sự: "Hát toàn những bài thánh nhạc kinh điển hay lắm anh ạ".

2. "Beethoven Việt Nam"

Chiếc piano mà ông chắt chiu mua được từ những năm 60 của thế kỷ XX được ông coi như người bạn tâm giao và được đặt tại một vị trí trang trọng; nhưng quan trọng hơn là tượng Đức Mẹ mà ông trân trọng đặt trên chiếc piano. Mỗi khi có tâm sự hay đàn, hát, sáng tác những bản nhạc thanh cao cũng luôn có Đức Mẹ chứng giám. Bức tượng đó như ông nói là một người bạn Pháp tặng ông, có nhiều điều linh thiêng đối với ông.

Nhạc sĩ Nguyễn Văn Quý được gọi là "Beethoven Việt Nam", nhưng bản thân ông cho rằng, dù "tôi rất tự hào khi có người gọi mình như vậy, nhưng... cá nhân tôi không dám so với một người vĩ đại như vậy".

Tuổi đã cao nhưng ông vẫn là người độc hành trên con đường âm nhạc riêng với chín bản sonate. Đến thiên tài âm nhạc như Beethoven

thì cả cuộc đời cũng chỉ có số lượng mười bản sonate viết cho piano và violon. Vì vậy, bạn bè còn gọi ông với cái tên thân thương là "Quỳ sonate", và ông trở thành nhạc sĩ Việt Nam duy nhất tham gia Hội Bảo vệ quyền tác giả trên toàn thế giới. Ông chính thức đến với nhạc giao hưởng từ năm 1963 bằng bản nhạc giao hưởng đầu tiên. Trước đó, ông đã có nhiều ca khúc trữ tình được công chúng yêu thích như: *Chiều cô thôn, Mây trôi, Nhớ anh, Dạ khúc, Bóng chiều...* Còn những bản khó như trường ca *Ý nhạc chơi vơi, Cánh chim chiều, Mây trôi, Đôi bờ...* thì rất ít người biểu diễn.

Ở Việt Nam, tên tuổi của ông dường như không nổi lắm, tuy nhiên ở nước ngoài như ở Đức, Pháp, Thụy Sĩ... ông lại được biết đến khá nhiều. Ông đã ba lần được các đồng nghiệp ở Pháp mời sang thăm và giao lưu. Các bản sonate của ông được các nhạc sĩ, nhà nghiên cứu âm nhạc, khán thính giả nước ngoài ghi nhận là độc đáo và sáng tạo. Tiến sĩ Tarique Farooqui - Tổng đại diện UNICEF, một người rất sành nhạc, sau khi nghe xong một bản sonate của ông đã thốt lên: "Đất nước của các ông hiện nay còn rất nhiều khó khăn nhưng với những tác phẩm như thế này thì ông cũng như người Việt Nam có quyền tự hào với nền âm

nhạc của mình". Và ngài đề nghị tác giả tặng một bản nhạc cho Hội nghị nguyên thủ các quốc gia lớn khi nhóm họp thông qua Hiến chương quyền bảo vệ trẻ em trên toàn thế giới. Sau Hội nghị trên, tác giả đã nhận được thư từ Mỹ gửi sang cảm ơn. Trên số báo Tết năm Đinh Hợi (2007), tờ *Le Courrier Du Viet Nam* đã đăng câu nói của nghệ sĩ Isabelle Durin của Dàn nhạc quốc gia Pháp, đã từng tới Hà Nội hai lần vào năm 2004 và 2006 để biểu diễn hai bản Sonate số 7 và số 9 của nhạc sĩ Nguyễn Văn Quý tại Nhà hát Lớn Hà Nội: "Những tác phẩm của Nguyễn Văn Quý làm tôi xúc động bởi phong cách riêng biệt của ông. Những tác phẩm này đã đề cao vị thế dân tộc của nhà soạn nhạc và mở ra một chân trời âm nhạc mới để nói với toàn thể nhân loại".

Bà B. Fournier, một người từng là chủ tịch của nhiều kỳ thi âm nhạc quốc tế tại châu Âu, có lần nói: "Anh đã tạo ra được một ngôn ngữ âm nhạc mới, nhưng quá khó với quá nhiều biến âm". Hiện nay ở Pháp, bác sĩ Pierre Moal cùng một số bạn bè của ông đã lập ra một nhóm ủng hộ nhạc sĩ Nguyễn Văn Quý.

Nhạc sĩ Nguyễn Văn Quý tâm sự: "Nhiều bạn bè của tôi ở Việt Nam đều nói rằng nhạc của tôi có nhiều đoạn nghe rung động lòng

người. Như vậy, nếu tôi làm cho con người Việt Nam rung động khi nghe nhạc của tôi thì tất nhiên nhạc của tôi phải mang hồn Việt Nam, chứ người ta không thể nào rung động với những gì quá xa lạ đối với họ. Trong khi đó, người nước ngoài lại cảm thấy nhạc của tôi có gì lạ, không giống của họ, đó là tôi đã đưa tính dân tộc Việt Nam vào nhạc của tôi".

ĐỒNG BÀO CAO ĐÀI TÂY NINH Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THỰC HIỆN PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐẠO "PHỤC VỤ DÂN SINH - NƯỚC VINH ĐẠO SÁNG"¹

MINH TIỆP*

Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội của nước ta, đồng thời là một thành phố đa dạng về tín ngưỡng, tôn giáo với sự có mặt của hầu hết các tôn giáo lớn ở Việt Nam như: Phật giáo, Công giáo, Tin lành, Cao đài, Hồi giáo, Hòa hảo, Baha'i, Minh Sư đạo, Minh Lý đạo,...

Trong đó, Cao đài Tây Ninh tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện có 27 họ đạo, một Ban đại diện, 42 cơ sở thờ tự và hơn 30.000 tín đồ đang

* Vụ Cao đài, Ban Tôn giáo Chính phủ.

1. Bài đăng trên tạp chí *Công tác tôn giáo*, số 12, 2012.

sinh hoạt tôn giáo ở khắp các quận, huyện. Trong nhiệm kỳ (2007 - 2012), bên cạnh việc hoạt động tôn giáo theo hiến chương, đường hướng hành đạo của Hội thánh Cao đài Tây Ninh, đồng bào Cao đài Tây Ninh tại Thành phố Hồ Chí Minh luôn chấp hành tốt các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực hưởng ứng Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội từ thiện và các phong trào thi đua yêu nước vì mục tiêu "Phục vụ dân sinh - Nước vinh, đạo sáng".

Hưởng ứng Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", Ban đại diện Hội thánh Cao đài Tây Ninh tại Thành phố Hồ Chí Minh cùng toàn thể bốn đạo luôn xác định đó là phương thức trọng tâm trong rèn luyện nhận thức tư tưởng, thường xuyên thực hành trong các hoạt động tu tập và hành đạo. Tín đồ đạo Cao đài đã thấy chủ nghĩa nhân đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh phù hợp với giáo lý nhân bản của đạo Cao đài. Đặc biệt, đức tính "Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư" của Bác có nhiều điểm tương đồng với đạo đức của các tôn giáo chân chính. Tấm gương trọn đời cống hiến vì độc lập, tự do cho đất nước, vì hạnh phúc của nhân dân lao động của Chủ tịch

Hồ Chí Minh là điều mà các nhà tu hành chân chính có thể học tập để nâng lên thành giá trị đích thực của tôn giáo, là hy sinh bản thân, cống hiến vì cộng đồng, vì niềm tin thiêng liêng giải thoát chúng sinh khỏi đói đau, khổ nạn. Đồng đạo Cao đài Tây Ninh toàn thành phố đã tích cực học tập và làm theo tấm gương của Bác bằng những việc làm thiết thực như: thi đua lao động sản xuất; rèn luyện tác phong đạo hạnh của người tu hành; hưởng ứng phong trào xây dựng gia đình văn hóa; giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sinh hoạt gia đình,... Vì vậy, trong những năm qua, đời sống tinh thần và vật chất của đồng bào Cao đài Tây Ninh trên địa bàn thành phố không ngừng được cải thiện, hoạt động tôn giáo diễn ra sôi nổi; nhiều công trình kiến trúc tôn giáo được trùng tu, sửa chữa và xây dựng mới; nhiều tấm gương chức sắc, chức việc, tín đồ là những công dân tiêu biểu, lao động tiên tiến. Đặc biệt, nhiều chức sắc, tín đồ tham gia các tổ chức chính quyền, đoàn thể, xã hội như đại biểu Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc các cấp,... đã phát huy được vai trò, trách nhiệm của mình, được nhân dân tín nhiệm và bổn đạo đánh giá cao.

Bên cạnh việc tu hành thuần túy theo hiến chương, đường hướng hành đạo của Hội thánh

thì hoạt động từ thiện xã hội được Ban đại diện Hội thánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Ban cai quản các họ đạo thường xuyên quan tâm, chú trọng thực hiện. Mặc dù, đời sống kinh tế còn khó khăn nhưng người theo đạo Cao đài luôn tự giác, sẵn sàng chăm lo, chia sẻ với người dân bị thiên tai, hạn hán, lũ lụt hoặc gặp điều bất hạnh trong cuộc sống. Các họ đạo thường xuyên tổ chức phát quà cho đồng bào nghèo vào những dịp lễ tết, lễ hội tôn giáo; tổ chức cứu trợ kịp thời các đợt thiên tai bão lũ; giúp đỡ học sinh nghèo hiếu học; xây dựng nhà tình thương, nhà tình nghĩa. Nhiều họ đạo lập cơ sở nấu cơm chay phục vụ miễn phí cho công nhân lao động nghèo; tổ chức bếp cơm từ thiện, phát cơm thường nhật đến các bệnh nhân nghèo tại các bệnh viện như Bệnh viện Chợ Rẫy, Trung tâm chỉnh hình, ung bướu,... Đặc biệt, bốn đạo Cao đài Tây Ninh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xây dựng được một cơ sở dưỡng lão tại Họ đạo Long Vân, phường Linh Trung, quận Thủ Đức với khoảng 20 giường dành cho chức sắc, chức việc và người theo đạo già yếu, neo đơn, không người nuôi dưỡng, kinh phí tu sửa và chăm sóc dưỡng lão do bốn đạo Cao đài cùng chung tay góp sức. Nhiều họ đạo Cao đài Tây Ninh trên địa bàn thành phố đều có thuyền Bát Nhã (xe tang) để phục vụ miễn phí việc tang lễ khi người dân

nghèo gặp hoàn cảnh khó khăn tìm đến như thuyền Bát Nhã của Họ đạo Sài Gòn mỗi năm đưa đi an táng khoảng từ 80 đến 100 đám tang cho bà con nghèo. Những nghĩa cử cao đẹp đó đã thể hiện tấm lòng phước thiện thật đáng quý. Đồng bào Cao đài Tây Ninh trên địa bàn thành phố trong 5 năm gần đây (2007 - 2012) đã quyên góp được số tiền là 27.976.178.000 đồng. Các họ đạo tích cực tham gia công tác từ thiện như: Họ đạo Sài Gòn, Chợ Lớn, Long Vân, Linh Đông, Phước Kiểng, Bình Trưng Tây, Quận 1, Quận 3, Bình Thạnh, Phước Thạnh, Thạnh Mỹ Lợi, Thủ Thiêm, Phú Nhuận, Thị trấn Nhà Bè, Ấp 1 Phú Xuân, Ấp 5 Phú Xuân, Vĩnh Lộc B, Bình Chánh, Bình Khánh,...

Đạt được những thành quả đó có sự đóng góp quan trọng của tập thể chức sắc Ban đại diện Hội thánh Cao đài Tây Ninh tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chia sẻ với chúng tôi, Giáo sư Thượng Minh Thanh, Trưởng Ban đại diện Hội thánh Cao đài Tây Ninh tại Thành phố Hồ Chí Minh nói: "Đạo Cao đài được đức Chí tôn, Ngọc hoàng thượng đế khai mở tại Việt Nam vào nửa đầu thế kỷ XX, lấy nhân nghĩa để phổ hóa chúng sinh, lấy yêu thương cộng đồng làm giếng mỗi phục vụ nhân sinh. Đồng đạo chúng tôi thực hiện tình yêu thương đó bằng cách giúp khó, trợ nghèo, chia sẻ nỗi đau người bất hạnh, cùng

nhau vượt qua khó khăn, hoạn nạn trong cuộc sống. Với những người lao động còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, người Đạo giúp đỡ thuốc thang khi ốm đau, phục vụ cơm chay miễn phí hằng ngày tại nhiều nơi trên địa bàn thành phố, như ở Họ Đạo Long Vân, Sài Gòn, Chợ Lớn, Bình Thạnh,... Tuy chưa được đại trà, nhưng cũng tùy sức, tùy duyên mà góp phần thơm thảo".

Không chỉ tham gia các hoạt động từ thiện xã hội, đồng bào đạo Cao đài Tây Ninh trên địa bàn thành phố còn tích cực tham gia các cuộc vận động, các phong trào thi đua của thành phố như: Cuộc vận động "Vì người nghèo"; Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư"; Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"; Cuộc vận động gây quỹ "Vì Trường Sa thân yêu, vì tuyến đầu Tổ quốc"; Cuộc vận động thực hiện nếp sống văn minh, mỹ quan đô thị "không rải vàng mã khi đưa đám tang trên đường phố"; thực hiện tốt Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24-2-2011 của Chính phủ về tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội gắn với phong trào "ba tiết kiệm, ba tương trợ"; thực hiện "Năm an toàn giao thông 2012" gắn với phong trào "Ba không, ba có" do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh phát động; thực

hiện Chỉ thị số 46-CT/TW của Ban Bí thư về chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại gây hủy hoại đạo đức xã hội,...

Từ những việc làm thiết thực đó, đồng bào Cao đài Tây Ninh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận được nhiều bằng khen, giấy khen của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hoạt động từ thiện xã hội cũng như xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Đặc biệt, năm 2012, với những thành tích nêu trên, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã quyết định tặng Bằng khen cho tập thể Ban Đại diện Hội thánh Cao đài Tây Ninh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Những hoạt động "tốt đời, đẹp đạo" của đồng đạo Cao đài Tây Ninh tại Thành phố Hồ Chí Minh đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của thành phố cũng như xây dựng đời sống mới, ấm no, hạnh phúc cho người dân, góp phần tích cực xây dựng đất nước vì mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh" theo phương châm "Nước vinh, đạo sáng".

HIỆP SĨ ĐẠI THÁNH GIÁ GIOAN BAOTIXITA LÊ ĐỨC THỊNH HÌNH ẢNH NGƯỜI CÔNG GIÁO TỐT, NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT

PHƯƠNG LIÊN*

Tước phẩm Hiệp sĩ Đại Thánh giá được Giáo hoàng Gregoreo XVI xác lập từ năm 1831 nhằm tuyên dương các tín đồ trên thế giới có nhiều công trạng đối với giáo hội và xã hội. Cùng với tước phẩm là Thanh gươm Hiệp sĩ được Giáo hoàng ban thể hiện niềm tin, đức hy sinh đối với những gì thiêng liêng, cao quý nhất.

Cuối năm 2007, Giáo hoàng Bênêdictô XVI phong Tước phẩm Hiệp sĩ Đại Thánh giá cho giáo dân Gioan Baotixita Lê Đức Thịnh và Nữ Hiệp sĩ Đại Thánh giá phu nhân cho bà Anna Nguyễn Thị Kim Yến, vợ Đại Hiệp sĩ vì những đóng góp của họ đối với Giáo hội và xã hội.

* Vụ Công giáo, Ban Tôn giáo Chính phủ.

Hiệp sĩ Đại Thánh giá Lê Đức Thịnh là người Công giáo Việt Nam và cũng là người châu Á đầu tiên được nhận danh hiệu cao quý này.

Đại Hiệp sĩ Gioan Baotixita Lê Đức Thịnh sinh năm 1961, tại Giáo xứ Phúc Nhạc, xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Anh là con thứ hai trong gia đình có 10 người con, sống bằng nghề nông với một tuổi thơ nghèo khó và thiếu thốn, nhưng lòng trắc ẩn và tình thương dành cho người nghèo đã lớn lên theo cuộc đời anh. Sinh ra ở Đồng Nai, nhưng anh lại chọn Thành phố Hồ Chí Minh để lập nghiệp, tại đây anh vừa học, vừa làm lấy tiền trang trải cuộc sống, hỗ trợ gia đình. Nhờ sự cần cù, chịu khó, anh đã tạo dựng cơ sở kinh doanh cà phê bột và sau đó mở rộng kinh doanh sang các lĩnh vực khác. Hơn 20 năm gây dựng sự nghiệp cũng là chừng ấy thời gian anh gắn bó với các hoạt động từ thiện xã hội của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc ở địa phương và hoạt động bác ái của Giáo hội Công giáo. Chỉ tính từ năm 2004 đến nay, anh là người đã giúp Giám mục Nguyễn Chu Trinh, Giám mục Giáo phận Xuân Lộc vận động chức sắc, đồng bào Công giáo đóng góp hàng tỉ đồng thực hiện công việc bác ái. Là thành viên trong nhóm bác ái xã hội Xuân Lộc, trong nhiều năm qua, nhóm bác ái của anh đã thực hiện trên 50 chuyến từ thiện

xã hội, mang gạo và các mặt hàng thiết yếu đưa đến tận tay người nghèo; vận động đồng bào cùng với chính quyền các cấp làm đường giao thông liên thôn, xây nhà tình thương; giúp người nghèo được mổ mắt, trẻ em bị bệnh tim được mổ tim, động viên thăm hỏi người già neo đơn, tàn tật; giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn. Trong lĩnh vực giáo dục, anh đã vận động, quyên góp để lập quỹ khuyến học, phát học bổng giúp trẻ em nghèo được đi học, được đến trường. Trong các lĩnh vực này anh vừa là người khởi xướng, vừa là người đề xuất phương án, vừa là người trực tiếp tham gia công tác bác ái xã hội.

Khi trở thành một chủ doanh nghiệp, anh có điều kiện mở rộng phạm vi hoạt động bác ái hơn, không chỉ ở Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, mà còn ở cả Lâm Đồng, Bình Dương và một số nơi khác. Đội ngũ công nhân trong cơ sở kinh doanh của anh thường là người nghèo, được anh tạo công ăn việc làm, thu nhập ổn định để tự nuôi sống bản thân và gia đình. Anh tâm sự rằng, mình từ tay trắng làm nên, nên càng thông cảm và gắng giúp những người nghèo; chỉ mong muốn góp phần chia sẻ với người nghèo, chung tay với Giáo hội lo cho người nghèo.

Những việc làm của anh không chỉ là giúp đỡ về mặt vật chất, tinh thần mà còn làm

chuyển biến trong nhận thức của người Công giáo trong việc coi trọng sự học và học cao cho con em, biết bảo vệ sức khỏe và biết cách phòng chống bệnh tật. Việc làm đó tuy âm thầm nhưng có ý nghĩa rất lớn, góp phần chung tay cùng toàn xã hội lo cho người nghèo.

Anh luôn là tấm gương trong việc vận động giáo dân tích cực tham gia cầu nguyện, đi lễ, chăm lo việc đạo; lo làm ăn, nâng cao chất lượng cuộc sống, phòng tránh các tệ nạn xã hội; tham gia và hưởng ứng tích cực phong trào đền ơn đáp nghĩa, phong trào thi đua toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, sống tốt đời đẹp đạo do chính quyền các cấp và Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam phát động. Vận động bà con giáo dân chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước, đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực, hành vi lợi dụng tôn giáo để kích động giáo dân, chia rẽ đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, làm xấu hình ảnh của người Công giáo. Ngoài công việc bác ái, từ thiện, anh cũng rất có duyên với công tác hòa giải những bất đồng, hiểu lầm trong dân hay giữa giáo dân với chính quyền phường, xã. Anh đóng vai trò trung gian gặp gỡ các bên để giải thích, giúp họ hiểu được lợi ích chung và cùng hành động để gìn giữ tình làng, nghĩa xóm, giúp đỡ nhau cùng phát triển. Tác động đến nhận thức của mỗi bên

về cách ứng xử với nhau trong giải quyết các vụ việc trong cuộc sống và trong quan hệ đạo - đời.

Chính những việc làm của anh đã góp phần tạo sự đồng thuận trong quan hệ giữa chính quyền và Giáo hội Công giáo các cấp và tạo sự đồng thuận của các giám mục Việt Nam.

Giám mục Nguyễn Chu Trinh nói anh đã có công phụng dưỡng ba người Mẹ: người mẹ thứ nhất là người đã sinh thành ra anh; người mẹ thứ hai là Tổ quốc Việt Nam đã cứu mang anh và người mẹ thứ ba là Giáo hội đã nuôi dưỡng anh bằng lời Chúa. Nghĩa là trong anh luôn thấm đẫm tình yêu của một người con hiếu thảo với cha mẹ; người công dân với trách nhiệm và bổn phận đối với đất nước; một con chiên chu toàn bổn phận với Chúa. Hơn ai hết, anh chính là hình ảnh của một người giáo dân tốt, đồng thời là người công dân tốt. Hình ảnh của anh đã góp phần làm cho hình ảnh người Công giáo tỏa rạng hơn trong cộng đồng dân tộc.

Ở cương vị Hiệp sĩ Đại Thánh giá, anh có nhiều thuận lợi hơn trong việc vận động giáo dân đóng góp cho Giáo hội, xã hội. Được Giáo hoàng phong Tước phẩm Hiệp sĩ, giáo dân yêu mến chính là niềm vinh dự bởi sự tin tưởng, tín nhiệm, nhưng cũng là trách nhiệm lớn lao theo anh suốt cuộc đời, và anh luôn ý thức mình phải luôn nỗ lực để xứng đáng với tình yêu thương

và sự tin tưởng của mọi người dành cho mình. Là con người luôn trăn trở về việc phụng dưỡng "ba người Mẹ" như Giám mục Nguyễn Chu Trinh đã nói, chắc chắn anh sẽ làm tốt bốn phận của mình, bốn phận gắn kết mối tương quan giữa tình người, giữa Giáo hội và xã hội; bốn phận của người tín đồ thực hiện theo sự chỉ dẫn của Giáo hoàng Bênêdictô XVI: "Bằng đời sống xây nền trên đức ái, sự liêm chính, việc quý trọng công ích, anh chị em phải chứng tỏ rằng người Công giáo tốt cũng là người công dân tốt" và *Thư chung* năm 1980 của Hội đồng Giám mục Việt Nam: "Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào đối với người Công giáo không những là một tình cảm tự nhiên phải có, mà còn là một đòi hỏi của Phúc âm".

NGÔI CHÙA VÙNG XA GẮN VỚI CÔNG TÁC TỪ THIỆN¹

NGỌC BA

Mỗi năm, Phật tử chùa Trúc Lâm và Di Đà thuộc xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước đã đóng góp hàng tỉ đồng giúp đỡ nhiều chương trình từ thiện cho người nghèo. Và người gắn bó với công tác này chính là Đại đức trụ trì Thích Bửu Khánh.

1. Khuyến khích Phật tử biết chia sẻ

Đại đức Thích Bửu Khánh, trụ trì chùa Trúc Lâm tâm sự: Giáo lý đạo Phật dạy làm người phải biết thương yêu, chia sẻ với nhau trong những khó khăn, có lòng vị tha, đoàn kết, không hơn thua. Chính vì thế, trong mỗi kỳ tổ chức Đại lễ Phật đản, Vu lan báo hiếu hay vía

1. Bài đăng trên Trang Thông tin điện tử của Ban Tôn giáo Chính phủ, ngày 13-6-2013.

Đức Phật Thích Ca thành đạo..., ngoài việc giảng giải về giáo lý, tôi dành thời gian để nói nhiều về đạo đức làm người, trách nhiệm bốn phận của công dân đối với xã hội, nhất là chấp hành nghiêm túc pháp luật của Nhà nước ban hành, giáo dục con cháu chăm học, ngoan ngoãn. Mưa dầm thấm lâu, Phật tử dần tiếp thu kinh Phật. Họ cũng thật sự trở thành những Phật tử tiêu biểu, tham gia tích cực vào các phong trào an sinh xã hội, chia sẻ khó khăn với người nghèo.



Đại đức Thích Bửu Khánh tặng quà cho người nghèo

Phật tử ở chùa luôn ý thức giúp đỡ người nghèo là bốn phận và trách nhiệm của mỗi

người. Do vậy, mỗi năm, bà con Phật tử chùa Trúc Lâm, Di Đà đóng góp hàng tỉ đồng để hỗ trợ xây nhà tình thương, tặng quà Tết, đóng góp vào quỹ vì người nghèo, nhận đỡ đầu, phụng dưỡng người già neo đơn, tàn tật, không nơi nương tựa; tổ chức các bữa ăn từ thiện ở bệnh viện huyện, bữa cơm trưa cho trẻ em nghèo ở Trường Tiểu học Đăng Hà và trợ giúp nhiều hoàn cảnh cơ nhỡ khác.

Ông Bùi Văn Lôi, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Đăng Hà bộc bạch, việc làm từ thiện của bà con Phật tử chùa Trúc Lâm, Di Đà do Đại đức Thích Bửu Khánh trụ trì rất có ý nghĩa trong đời sống xã hội. Nhiều trường hợp có hoàn cảnh hết sức khó khăn nhờ sự giúp đỡ của thầy mà đời sống của họ đã ổn định, con cái được học hành.

2. Thực hành hạnh từ bi

Trường Tiểu học Đăng Hà có trên 15 học sinh là đồng bào dân tộc thiểu số, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhà ở xa trường nên có nhiều em dự định bỏ học. Đại đức Thích Bửu Khánh đã kịp thời giúp đỡ, nhận đỡ đầu và lo cho các cháu bữa ăn trưa tại trường mỗi ngày học, hạn chế việc đi lại do đường xa, nhất là vào mùa mưa lụt. Nhờ vậy, các em đều ổn định tư tưởng, an tâm học hành.

Chị Phạm Thị Bảy, ở thôn 5, xã Bom Bo, huyện Bù Đăng có hoàn cảnh rất khó khăn, chồng mất sớm, một mình nuôi năm người con chưa trưởng thành, không có đất canh tác, ở nhà thuê, ai gọi gì làm nấy, tiền làm thuê trong ngày chỉ đủ lo cho năm người con sống qua ngày. Cứ như thế, cuộc sống kéo dài gần ba năm liền, con cái đến tuổi học nhưng không thể đến trường vì nghèo quá. Mặc dù chính quyền địa phương có quan tâm giúp đỡ, nhưng chẳng thấm vào đâu. Trước tình cảnh ấy, Đại đức Thích Bửu Khánh đã vận động bà con Phật tử ủng hộ cho gia đình chị mảnh đất gần 50m², và xây cho gia đình chị một căn nhà trị giá 50 triệu đồng. Những đứa con của chị còn nhỏ, được thầy nhận về nuôi dưỡng và cho học hành.

Chị vui mừng cho biết: "Từ khi được Đại đức Thích Bửu Khánh xây cho ngôi nhà, tôi cảm thấy ấm cúng và hạnh phúc lắm, mưa gió không phải âu lo như trước. Hiện giờ, cuộc sống của tôi đã ổn định lắm rồi, tôi rất biết ơn bà con Phật tử và thầy Thích Bửu Khánh đã có lòng giúp đỡ gia đình tôi vượt qua số phận".

Chỉ tính 5 năm trở lại đây, Đại đức Thích Bửu Khánh đã hỗ trợ xây gần 30 căn nhà tình thương, trị giá gần 1 tỉ đồng. Qua phản ánh từ những địa phương có đối tượng được xây nhà,

họ đều vươn lên và có cuộc sống ổn định, thậm chí có hộ vươn lên làm giàu, giúp vốn cho một số hộ lân cận khó khăn hơn mình để sản xuất, phát triển kinh tế.

Việc làm đầy trách nhiệm của Đại đức Thích Bửu Khánh đã được người dân trân trọng và quý mến. Chính ở vùng đất còn khó khăn này, Trúc Lâm, Di Đà là hai ngôi chùa gắn bó với người nghèo như một điểm sáng giúp họ vượt qua nghịch cảnh, vươn đến tương lai tươi sáng hơn.

THƯỢNG TỌA THÍCH HUỆ ĐĂNG NHỮNG GIẤC MƠ KHOA HỌC GIÚP ĐỜI¹

THANH LÊ



*Thượng tọa Thích Huệ Đăng nhận Bằng độc quyền
sáng chế tháng 12-2012*

1. Bài đăng trên Trang Thông tin điện tử của Ban
Tôn giáo Chính phủ, ngày 10-5-2013.

Khá thú vị khi Tổ chức Kỷ lục Việt Nam được sự hỗ trợ của Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ và Cục Bản quyền tác giả - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chọn trao "Kỷ lục Việt Nam về sở hữu trí tuệ năm 2013" cho Thượng tọa Thích Huệ Đăng (chùa Thanh Quang, Đà Lạt) - nhà sư đầu tiên là tác giả sáng chế được cấp bằng tại Việt Nam.

Ông chính là nhà khoa học đầu tiên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp bằng sáng chế với công trình "Quy trình trồng cây sâm Ngọc Linh nuôi cấy mô". Ông cũng là người có công lớn trong việc phát triển nhân bản vô tính giống sâm Ngọc Linh tại Đà Lạt.

Dự lễ cấp bằng sáng chế, Hòa thượng Thích Pháp Chiếu - Ủy viên Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Trưởng Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh Lâm Đồng xúc động nói: "Lịch sử Giáo hội Phật giáo Việt Nam kể từ hôm nay sẽ ghi vào trang vàng của mình khi lần đầu tiên có một vị tu sĩ trở thành nhà khoa học. Đây cũng là nhà khoa học duy nhất của Giáo hội cho đến lúc này được cấp bằng sáng chế độc quyền cho một công trình nghiên cứu khoa học".

1. Nhập thế bằng tư tưởng, trí tuệ Phật giáo

Hơn 5 năm trước, Thượng tọa Thích Huệ Đăng cùng cộng sự đã lặn lội vượt rừng già, mang cây sâm từ núi Ngọc Linh (Kon Tum) về thành phố Đà Lạt (Lâm Đồng) nhân giống bằng phương pháp nuôi cấy mô, trồng thực nghiệm tại một số địa phương. Đến nay, Công ty trách nhiệm hữu hạn hoa lan Thanh Quang do Thượng tọa Thích Huệ Đăng làm Giám đốc đã nhân giống thành công cây sâm quý có khả năng di thực này, tỷ lệ cây sống khá cao. Thượng tọa còn được biết đến là một nhà trồng hoa lan nổi tiếng. Hồi đó là năm 1987, ông lên Đà Lạt lập một tịnh thất nhỏ để tu tập, tự làm để nuôi sống bản thân, quan tâm tới nghề trồng địa lan khi người trồng lan xứ này hầu hết đã bỏ nghề vì thị trường xuất khẩu không còn. Tìm tòi, học hỏi về cách trồng hoa, ông bắt đầu trồng và bán hoa lan lấy tiền làm Phật sự từ những năm 1990.

Bốn năm sau, khi tham gia khóa Giảng sư hoàng pháp tại Thành phố Hồ Chí Minh, ông đồng thời dự các khóa học dự thính về phương pháp cấy mô hoa lan tại Đại học Nông Lâm Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi tốt nghiệp Giảng sư Phật học, Thượng tọa trở về Đà Lạt thực nghiệm những kiến thức học được. Dần hình thành hai cơ sở nghiên cứu bảo tồn các

loài lan quý tại Việt Nam và trồng hoa lan tạo công ăn việc làm cho Phật tử quanh vùng, xuất khẩu hoa lan ra thị trường thế giới, nhất là Nhật Bản.

Cách đây gần chục năm, một nghiên cứu mang ý nghĩa lớn về môi trường của Thượng tọa đã thành công, là thay thế giá thể trồng hoa lan từ cây dớn (lấy trong rừng) bằng vỏ cà phê - một thứ phế phẩm gây ô nhiễm môi trường.

Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn hoa lan Thanh Quang (hồ Tuyên Lâm, Đà Lạt, Lâm Đồng) - Thượng tọa Thích Huệ Đăng từng được nhà vườn Đà Lạt gọi thân tình là "nhà sư - nông dân", nay được tôn vinh là một nhà khoa học đầy sáng tạo. Mọi thứ trong khu sản xuất sâm Ngọc Linh của Công ty trách nhiệm hữu hạn hoa lan Thanh Quang giờ đây đều tự động hóa.

2. Giác mơ khoa học trở thành hiện thực

Chia sẻ với báo *Đại đoàn kết* về lẽ người tu hành ngày nay cần phải vào đời để nhập thế hành đạo, rồi dùng trí tuệ của mình giúp xã hội tốt đẹp hơn, Thượng tọa Thích Huệ Đăng nói: "Đời không Đạo lấy gì mà sửa. Đạo không Đời biết sửa với ai!".

Thượng tọa cho rằng, làm một nhà tu hành và một nhà khoa học có nhiều điều giống nhau là phải cùng cần có lộ trình rõ ràng, có đức

khiêm nhường và đam mê, biết chịu đựng gian nan mới thành đạo.

Thượng tọa Thích Huệ Đăng là Giảng viên cao cấp Chuyên khoa Phật học - Học viện Phật giáo Sóc Sơn Hà Nội và Học viện Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy viên Ban Hoàng pháp Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ủy viên Hội Nghiên cứu Phật học Việt Nam. Sau gần 20 năm, Thượng tọa là một học giả, tác giả đã xuất bản 21 bộ Luận giảng, 16 bộ Khai thi luận triết học Đại thừa Phật giáo và nhiều bài viết có giá trị.

Thượng tọa quan niệm rằng: Khi người tu thành tựu được trí tuệ để ứng dụng, lấy tâm làm cha, lấy trí tuệ làm mẹ, lấy cộng đồng làm quyến thuộc thì ứng dụng mọi hình tướng đều vô ngại - như là nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà học giả, nhà giảng viên đều là phương tiện để nhập thế, để hoàn thành được trí tuệ trùm khắp của chính mình. Đó là theo tư tưởng triết học Đại thừa Phật giáo, như trong kinh Duy Ma Cật phẩm Thanh Văn có câu: "Không rời đạo Phật mà làm các việc phàm phu chỗ đó là yên lặng; không khởi diệt tận định mà hiện các oai nghi chỗ đó là yên lặng". Như vậy, hành động muôn tướng mà tâm hằng yên lặng gọi là giác ngộ.

Cùng với thành công của nhà khoa học khi nghiên cứu, trồng lan và nhân giống, trồng thử

nghiệm cây sâm Ngọc Linh nuôi cấy mô, Thượng tọa còn là tác giả của 21 Bộ luận Kinh Phật đã được Nhà xuất bản Tôn giáo ấn hành cùng nhiều sách, bài viết có giá trị khác. Dưới đây là đoạn trả lời phỏng vấn của Thượng tọa Thích Huệ Đăng với nhà báo:

- Vậy một nhà tu nhập thế - nhà khoa học hiện đại không thể chỉ ngồi một chỗ mà phải xông xáo đến hang cùng ngõ hẻm tham gia vào nhiều hoạt động?

- Khi làm việc với trí tuệ và tâm yên lặng thì không kẹt thời gian và không gian và các hình tướng đã ứng dụng. Tới đây, chúng tôi dự định hợp tác với Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh và các nhà khoa học đầu ngành Việt Nam lập Viện Nghiên cứu phát triển sâm Ngọc Linh tại Đà Lạt. Thông thường, phải mất ít nhất sáu năm trồng và chăm sóc thì cây sâm Ngọc Linh mới cho thu hoạch. Nhưng bằng công nghệ rế sinh khối cây sâm Ngọc Linh, chỉ chưa tới năm tháng là có thể thu hoạch khối lượng lớn sản phẩm rế của loài cây quý hiếm này phục vụ cộng đồng.

- Trong nhiều thành công trong đời, ông tâm đắc nhất điều gì?

- Cuộc đời người tu sĩ có trí tuệ tâm đắc nhất là đem lợi lạc cho cộng đồng và làm những điều hạnh phúc cho cộng đồng. Đôi khi dùng phương

tiện thuận nghịch nhưng tâm vẫn mong cầu cộng đồng được an lạc và hạnh phúc.

- *Còn khó khăn thì sao?*

- Người có trí tuệ hành dụng mọi thứ phải lấy khó khăn làm thành tựu nên có câu: "Gian khổ là nấc thang thành công của người trí cũng là vực thẳm của kẻ hèn nhát và lười biếng".

3. "Thắng mình"

- *Trong bài nghiên cứu về đạo Phật ở Việt Nam mà Thượng tọa trình bày tại hội nghị về Phật Hoàng Trần Nhân Tông năm 2012, ông có trích Kinh Pháp cú, nói: "Chiến thắng vạn quân địch, không bằng tự thắng mình". Vậy đó có phải một nét văn hóa và trí tuệ quan trọng nhất, cách để mỗi chúng ta tìm sự hòa bình và trọn vẹn?*

- Đất nước Việt Nam như vua Trần Nhân Tông hai lần đánh đuổi quân Mông - Nguyên, ngài dùng được trí tuệ và triết học Phật giáo để tập hợp nguồn lực và sức mạnh của tướng sĩ và nhân dân. Và thế kỷ XX, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng dùng trí tuệ của chính mình tập hợp được nguồn lực của nhân dân kháng chiến chống lại hai cường quốc Pháp và Mỹ để giải phóng đất nước. Như vậy, sự thành công hay thất bại đều do chúng ta.

- Được biết, thời gian tới, Thượng tọa sẽ tới Thiền viện Sóc Sơn. Xin được phép hỏi về chuyến đi này?

- Theo lịch sử Phật giáo Việt Nam, triết học Đại thừa Phật giáo phát xuất từ phương Bắc Việt Nam, nhưng vì chiến tranh hơn 30 năm, triết lý này bị mai một nên tôi quyết định năm 2012 và 2013 trở ra phía Bắc, đưa sự hiểu biết triết học Đại thừa của mình trở lại Học viện Phật giáo Việt Nam Sóc Sơn để đóng góp một phần nào tư tưởng này.

- Xin cảm ơn về cuộc trò chuyện và chúc Thượng tọa Thích Huệ Đăng ngày càng hiện thực đạo vào đời, làm cho đất nước thái bình thịnh trị.

CHIA SẺ KINH NGHIỆM CỦA VỊ LINH MỤC

TRẦN THẮNG*



Một cuộc họp Ủy ban Đoàn kết Công giáo

Linh mục Nguyễn Văn Ký là linh mục phụ trách Giáo xứ Fatima xã Tân Quới, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, là Chủ tịch Ủy ban

* Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Tháp.

Đoàn kết Công giáo tỉnh Đồng Tháp. Là người với cảm nghiệm cá nhân về vấn đề vận động tín đồ Công giáo chấp hành pháp luật và tham gia phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, quá trình hoạt động, ông nhận thấy phong trào "Toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc" là chủ trương sáng suốt của Đảng và Nhà nước ta, một vấn đề hết sức quan trọng bảo đảm sự hưng thịnh của đất nước.

Ý thức được điều này, toàn thể bà con tín đồ Công giáo trong địa phương đã tích cực tham gia phong trào và đã đạt được những thành quả đáng khích lệ. Được chọn báo cáo điển hình tại hội nghị nhân rộng điển hình tiên tiến "Phát huy vai trò chức sắc, chức việc các tôn giáo vận động tín đồ chấp hành pháp luật", Linh mục Nguyễn Văn Ký chia sẻ kinh nghiệm của bản thân: Những điều dỏ nên tránh, đấy là: tránh tối đa những nhục mạ và những hình phạt. Sự nhục mạ và những hình phạt đa số trong những trường hợp làm cho các đối tượng càng đi sâu vào con đường tội lỗi. Có biết bao thanh, thiếu niên trở nên hư hỏng vì đường lối giáo dục sai lầm của bậc làm cha, làm mẹ, dùng roi vọt, chửi mắng thay vì yêu thương chỉ dạy. Có biết bao nhiêu người đã bỏ xứ ra đi hay lao mình càng sâu vào tội lỗi vì bị chính những người thân, bạn bè xúc phạm, lọc lừa, xã hội chê trách, xa lánh thay vì yêu thương, cảm thông và hướng

dẫn, giúp đỡ cho họ; tránh làm gương trước những lỗi phạm nhẹ. Một trong những mầm mống gây sự đổ vỡ cho giới trẻ hôm nay chính là sự thiếu trách nhiệm và thiếu sự chăm sóc của các bậc bề trên đối với bề dưới. Cha mẹ không lo cho con cái, thầy cô không nhắc nhở, sửa dạy và làm gương sáng cho học sinh... Sự coi thường lỗi nhẹ nơi giới trẻ chính là một trong những nguyên nhân của các lỗi lầm và tội phạm sau này. Quả đúng như vậy! Vì thanh, thiếu niên và cả người lớn ngày nay đã có một bộ phận được sống trong sự nuông chiều thái quá, nên dễ hình thành tư tưởng "dễ dãi, buông thả với chính mình, nhưng khát khe đòi hỏi nhiều quá về sự quan tâm, thậm chí nhường nhịn của mọi người dành cho mình".

Những điều hay phải làm, đó là: phải liên kết trong khi làm việc. Thời đại ngày hôm nay là thời đại liên kết. Đơn phương làm việc chắc chắn sẽ thất bại. Một nguy cơ không chặn đứng có thể lan rộng ra nhiều nơi. Điều này đã và đang được thể hiện trên nhiều phương diện trong nhiều lĩnh vực lớn nhỏ khác nhau, ngay cả phạm vi trong thôn xóm đến môi trường quốc tế rộng lớn. Riêng ở địa bàn của chúng tôi, sự liên kết được thể hiện giữa nhà - nhà: nhà dân với nhà dân, nhà trường với nhà học sinh, nhà giàu với nhà nghèo, nhà thờ với nhà chùa và nhà thờ với nhà nước. Trước chưa có phong trào thì đã làm nay

có phong trào rồi thì càng dễ hơn; phải đánh thức xóm làng. Nhiều người tuy sống nhưng vẫn ngủ trong giấc mơ đất nước đã yên bình và phát triển phồn vinh, cứ mặc sức kiếm tiền và hưởng thụ, bất chấp luân thường đạo đức. Chính đó là nguy cơ đưa đến những thảm họa, những tệ nạn và những việc đau lòng trong xã hội; phải có những cuộc gặp gỡ thường xuyên giữa những cán bộ nhà nước, Mặt trận Tổ quốc với các thành phần của xã hội, như gặp gỡ giữa cán bộ với chức sắc, chức việc tôn giáo; gặp gỡ giữa cán bộ với những người dân chấp hành pháp luật chưa tốt để nhắc nhở, giáo dục, giúp đỡ, định hướng cho họ về nghề nghiệp, về việc làm, chỉ cho họ thấy đâu là sai, đâu là đúng, tạo cho họ những cơ hội để trở thành người tốt; trong chương trình của bộ môn giáo dục công dân ở các cấp học phổ thông, cần nghiên cứu xây dựng theo hướng giáo dục, rèn luyện tư cách, nhân phẩm, đạo đức của con người Việt Nam hơn là giảng những bài lý luận về pháp luật, về kiến thức xã hội rộng lớn khác. Vì suy cho cùng, tình yêu quê hương, yêu đồng bào, yêu đất nước... phải bắt nguồn từ tình yêu gia đình; đức hy sinh cho những vấn đề lớn của xã hội, của đất nước phải được hun đúc và hình thành trên nền tảng đạo đức, nhân cách là biết yêu thương, kính quý mọi người của mỗi cá nhân.

GIA ĐÌNH GIÁO DÂN ĐI ĐẦU TRONG XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VĂN HÓA, HIẾU HỌC¹

ĐẠT VÕ - TRẦN MƠ*



*Ông Trần Phúc Đình bên những tám bằng khen, giấy
khen được các cấp trao tặng trong nhiều năm qua*

* Huyện ủy Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

1. Bài đăng trên Trang Thông tin điện tử của Ban
Tôn giáo Chính phủ, tháng 5-2012.

Tìm về nhà ông Trần Phúc Đính ở khối 9 thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh không mấy khó khăn bởi gia đình ông nổi tiếng vùng Giáo xứ Kim Lâm với truyền thống hiếu học và đạt danh hiệu gia đình văn hóa nhiều năm qua.

Ông Đính sinh năm 1940 trong một gia đình giáo dân giàu truyền thống giáo dục, truyền thống cách mạng. Năm 1968, theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, chàng thanh niên Trần Phúc Đính nối tiếp truyền thống gia đình, quê hương, tự nguyện lên đường tham gia chiến đấu. Trong một trận đánh tại chiến trường Quảng Trị khốc liệt, ông bị thương nặng ở chân và cánh tay, ông được điều chuyển ra Bắc điều trị. Năm 1969, sau khi phục viên trở lại quê nhà, ông đã bén duyên và lập gia đình với bà Nguyễn Thị Lạc - người con gái dịu hiền, nét na, chịu thương, chịu khó, là giáo viên trường huyện.

Cuộc sống đối với một gia đình trẻ bước đầu còn chồng chất những khó khăn, cả vùng đất đang bị ngập mặn, làm ruộng vất vả quanh năm chẳng đủ ăn, cuộc sống vốn đã khó khăn cho những người khỏe mạnh nhưng đối với ông lại càng khó hơn khi rời chiến trường với thương binh hạng 1/4, cánh tay và bắp chân thường xuyên bị phù nề, lở loét, đau nhức, bốc mùi hôi. Ông ngậm ngùi chia sẻ: "Vết thương

chiến tranh hơn 40 năm vẫn không chịu lành, nó thường xuyên bị phù, lở loét, đau nhức mỗi khi trái gió trở trời. Đợt tháng 5-2010, tôi ra Bệnh viện 103 để mổ vết thương ở chân, giờ đã đỡ đau nhức và không bị lở loét như trước nữa". Nhưng với phẩm chất của người lính "Bộ đội cụ Hồ" được tôi luyện trong chiến đấu, cùng với động lực từ người vợ chịu thương, chịu khó, ông đã nỗ lực vươn lên trong cuộc sống để sống tốt và đóng góp nhiều điều cho xã hội.

Với đồng lương ít ỏi của ông bà, ông tranh thủ làm thêm đủ nghề để kiếm sống từ làm ruộng, chăn nuôi, thợ mộc, đánh cá... mong sao kiếm được đủ tiền cho con ăn học bởi đối với ông - con cái là tất cả. Ông quan niệm: "Lo cho con ăn học để nên thân con người, để có trình độ mà lập nghiệp, có trình độ để hiểu được sai trái, từ đó để thành người có ích cho gia đình, cho xã hội".

Hiếu được sự bươn chải, vất vả của cha mẹ, bảy người con của ông bà (năm trai, hai gái) đều là những người con ngoan ngoãn, lễ phép và học giỏi, trong đó năm người con đều đã tốt nghiệp đại học, có việc làm ổn định, người con út vừa dự thi vào Trường Đại học Vinh - Nghệ An.

Ông Đính cười hóm hỉnh khi nghe chúng tôi hỏi về phương pháp dạy con ngoan và chia sẻ: "Tôi chẳng có phương pháp nào bằng tình

thương và sự dạy bảo ân cần. Lo cho con từ vỡ lòng lo lên, vỡ lòng giỏi thì cấp một giỏi, cấp một giỏi thì cấp hai giỏi...", ông nói thêm: "Dạy con ít khi tôi đập đánh nặng tay, nếu có đánh chỉ dùng roi mây đánh vào mông chúng nó khi còn nhỏ, lớn lên thì chỉ bảo ân cần, cha con ngồi lại với nhau nói chuyện, thuyết phục, làm gương cho chúng nó noi theo".

Ông Đính còn cho biết, việc học của con cái rất quan trọng, ông xây dựng riêng một ngôi nhà có phòng học riêng biệt để các con có không gian học, tự học, trong phòng học có đầy đủ đồ dùng học tập và giường chiếu, tạo không gian yên tĩnh cho con học bài tốt hơn. Hằng năm mỗi dịp Tết đến xuân về, ông bà tập hợp tất cả anh em, con cháu trong nhà, cùng nhau ôn lại, chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, động viên con cháu, đưa thì cuốn sách, cuốn vở, cây bút, đưa thì gói quà nho nhỏ để tiếp tục cố gắng học tập, sống "tốt đời đẹp đạo", xây dựng cuộc sống ấm no.

Không chỉ thuận hòa trong gia đình, ông bà còn được bà con lối xóm kính trọng, tin yêu. Sống đúng mực, thường xuyên quan tâm, thăm hỏi bà con lối xóm, ai có công chuyện gì ông cũng sẵn sàng giúp đỡ tận tình, không phân biệt giáo dân hay lương dân mà đối xử công bằng, bình đẳng, thương yêu nhau.

Đã nhiều năm nay, gia đình ông bà liên tục được các cấp từ thị trấn Nghèn đến cấp Trung ương công nhận đạt danh hiệu gia đình văn hóa, gia đình hiếu học tiêu biểu. Năm 2013, ông bà được nhận Bằng khen của Trung ương Hội Khuyến học Việt Nam vì đã có thành tích trong phong trào khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập năm 2013, và được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh chứng nhận đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa xuất sắc tiêu biểu" giai đoạn 2011 - 2013.

Nhìn ngôi nhà tương đối khang trang, đầy đủ mới thấy được sự tần tiện, tích góp và vươn lên trong cuộc sống của gia đình giáo dân Trần Phúc Đính. Gia đình ông bà luôn là tấm gương sáng về nuôi dạy con ngoan, gia đình văn hóa trên bước đường xây dựng cuộc sống ấm no, gia đình hạnh phúc của đồng bào giáo dân nói riêng và của toàn xã hội nói chung trong cuộc sống hôm nay.

VỊ LINH MỤC CỦA BỆNH NHÂN PHONG¹

TRIẾT GIANG*



*Bác sĩ Augustinô Nguyễn Viết Chung
được thụ phong Linh mục ngày 25-3-2003*

* Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam.

1. Bài đăng trên báo *Người Công giáo Việt Nam*, số 20, 2012.

Những bệnh nhân phong ở Việt Nam thật may mắn vì có những người bạn gắn bó cả cuộc đời của mình với bệnh nhân như Giám mục Jean Cassaigne (1895 - 1973), nữ tu Mai Thị Mậu và nay lại có thêm Linh mục Augustinô Nguyễn Viết Chung.

Linh mục Nguyễn Viết Chung sinh năm 1955 trong một gia đình nghèo quê gốc ở làng Ngũ Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, di cư vào Nam năm 1954 và không theo Công giáo. Sau khi tốt nghiệp tú tài toàn phần năm 1973 thì có một sự kiện ảnh hưởng lớn đến tương lai của cậu tú Chung, đó là việc Giám mục Jean Cassaigne qua đời. Báo chí lúc đó đã dành rất nhiều lời ca ngợi cho một vị giám mục người Pháp nhưng đã tình nguyện gắn bó đời mình cho đến hơi thở cuối cùng với các bệnh nhân phong ở trại phong Di Linh (Lâm Đồng). Cậu thấy ngưỡng mộ và muốn noi gương vị giám mục ấy. Cậu muốn thi vào ngành y khoa nên sau khi tốt nghiệp trung học đệ nhất, cậu bỏ qua đệ nhị mà vào ngay đệ tam và trở thành sinh viên ngành y năm 1974. Trong thời gian học y, có một giáo sư người Bỉ là bác sĩ Lichtenberg dạy về Mô phôi học rất say sưa và nhiệt huyết với sinh viên. Cậu thường tìm cách tiếp xúc với thầy để học thêm và biết thêm giáo sư này cũng là linh mục dòng Tên. Cậu và các sinh viên vẫn rủ nhau đến dự lễ do giáo sư

Lichtenberg chủ sự dù không phải là người Công giáo. Một câu hỏi cậu đặt ra là có phải nhờ tôn giáo mà Giám mục J. Cassaigne và Linh mục Lichtenberg đi theo đã làm nên nhiệt huyết của các vị này? Theo nhiệt huyết đó, khác với nhiều sinh viên y khoa đều muốn chọn chuyên ngành sạch sẽ, dễ kiếm tiền như chuyên khoa mắt, tai mũi họng, nội, ngoại... Chung chọn khoa sản và ký sinh trùng. Kết quả Chung vào chuyên ngành ký sinh trùng học.

Những năm học y khoa, cậu Chung phải đạp xích lô để kiếm sống và phụ giúp gia đình. Sau khi tốt nghiệp năm 1980, bác sĩ Chung đi làm ngay và có công việc khá tốt, thu nhập khá nên có điều kiện lo cho các em ăn học. Thế nhưng, tấm gương của Giám mục J. Cassaigne vẫn thôi thúc bác sĩ đến với những bệnh nhân phong. Năm 1984, khi đó bác sĩ Chung 29 tuổi đã mang hồ sơ lên Sở Y tế Lâm Đồng để xin đến phục vụ ở trại phong Di Linh. Bà trưởng phòng tổ chức Sở Y tế Lâm Đồng rất ngạc nhiên vì một bác sĩ đang có công việc tốt ở Thành phố Hồ Chí Minh lại xin lên rừng. Bà hỏi:

- Anh bị phong cùi hay bị điên?

Bác sĩ Chung đáp:

- Nếu tôi bị phong cùi thì bà đã trông thấy, còn điên hay không thì chưa biết nhưng tôi chỉ muốn phục vụ những người bị bệnh phong cùi.

Sở Y tế Lâm Đồng không chấp nhận nguyện vọng của bác sĩ Chung. Bác sĩ lên thẳng trại phong Di Linh nhưng các nữ tu cũng không thể giúp được vì trại đã thuộc cơ sở do Nhà nước quản lý và việc điều động nhân sự vẫn thuộc Sở Y tế Lâm Đồng. Anh quay về làm việc tại Trung tâm Phòng chống sốt rét tỉnh Đồng Nai. Tại đây, bác sĩ Chung vẫn không ngừng học hỏi thêm về da liễu, năm 1993 bác sĩ lại tình nguyện đến công tác tại trại phong Bến Sắn (huyện Tân Uyên, Bình Dương). Trại này được thành lập năm 1959 do các nữ tu thừa sai Bác ái Vinh sơn quản lý, đến năm 1976 thì trại do Nhà nước quản lý. Trại có hơn 800 bệnh nhân. Bệnh nhân ở đây nhiều người đã bị gia đình ruồng bỏ: một bé gái 12 tuổi khi phát bệnh, đang ở với anh chị đã bị đuổi khỏi nhà nên phải vào trại; nhiều bệnh nhân thêm khát gặp gỡ người thân; một cụ già hơn 40 năm ở trại không có con cháu vào thăm, nằm mơ thấy con cháu đến thăm, cụ lao ra cửa để gặp, va đầu vào song sắt nên đã tử vong sau đó ít ngày. Chứng kiến hoàn cảnh ấy, bác sĩ Chung lao vào việc phục vụ, chữa trị cho các bệnh nhân với tất cả nhiệt huyết của tuổi trẻ và thậm theo gương của Giám mục J. Cassaigne. Phục vụ bệnh nhân ở đây cũng có một số nữ tu của tu hội Bác ái Vinh sơn. Họ chăm sóc bệnh nhân như những

người ruột thịt và bác sĩ Chung luôn tự hỏi: Vì sao mình đã cố gắng hết sức mà không thể tận tình và chu đáo như họ, không vui vẻ như họ dù công việc hết sức vất vả, nặng nhọc và nguy hiểm. Có lần, một bệnh nhân phải phẫu thuật cắt bỏ chân. Anh ta la lối và chửi rủa các bác sĩ, nữ tu phục vụ rất nặng lời. Bác sĩ Chung nổi cáu mắng lại. Còn các nữ tu thì vẫn nhẹ nhàng khuyên bảo bệnh nhân. Một nữ tu kéo bác sĩ ra ngoài nói:

- Cắt chân, bệnh nhân đau chứ bác sĩ có đau đâu mà sao bác sĩ lại nổi nóng thế?

Sau này nghĩ lại, bác sĩ Chung dò hỏi các nữ tu:

- Làm sao các chị phục vụ được bệnh nhân với tinh thần tận tụy, yêu thương như thế?

Các nữ tu bảo: - Chúa dạy chúng tôi làm thế.

Vậy là bác sĩ Chung quyết tìm hiểu xem Chúa của các nữ tu là ai. Bác sĩ Chung tìm gặp Linh mục Hoàng Văn Đoàn (dòng Tên) ở Bình Dương để tìm hiểu về đạo Công giáo. Ngày 28-8-1993, bác sĩ được linh mục chính xứ Bến Sắn Trần Thế Thuận làm lễ khai tâm để gia nhập đạo Công giáo với tên thánh là Augustinô.

Nhiều người trong gia đình bác sĩ không tán thành việc làm này vì cho rằng anh bị tâm thần. Bố anh mắng anh không biết nhục với bạn bè, chúng nó bây giờ đều có nhà lầu và ô tô ở Sài Gòn còn anh vẫn đi xe đạp. Chỉ có mẹ anh

dù bị mù lòa vẫn thương con nên bảo: Thôi, đạo mẹ, mẹ giữ, đạo con, con theo. Anh cam kết:

- Xin mẹ cứ yên tâm mà giữ đạo của mẹ, con không dám khuyên mẹ theo đạo của con đâu.

Theo đạo chưa đủ, bác sĩ Chung còn muốn dẫn thân, gần gũi nhiều hơn nữa đối với các bệnh nhân phong, nên sau một thời gian suy nghĩ, ngày 15-9-1994, anh đã xin vào dòng Vinh sơn khi bước vào tuổi 40. Ngày 25-3-2003, tại đền thờ Đức Mẹ hằng cứu giúp, Đức Giám mục Vũ Duy Thống - Giám mục phụ tá Tổng giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh đã truyền chức linh mục cho thầy Augustino Nguyễn Viết Chung. Ngay sau đó, tân linh mục đã về dâng lễ mở tay tại trại phong Bến Sắn. Các bệnh nhân đã vây quanh vị tân linh mục để chúc mừng và rất đổi cảm động vì đã có thêm một vị linh mục gắn bó với họ.

Do điều động của Bề trên nhà dòng nên năm 2010, Linh mục Nguyễn Viết Chung được bài sai về trụ sở chính của dòng ở đường Nguyễn Kiệm, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng công việc của nhà dòng vẫn không ngăn được tinh thần phục vụ các bệnh nhân hiểm nghèo của Linh mục Augustinô. Linh mục dành thời gian vừa đi làm lễ ở nhà tình thương Bình Lợi vừa để có điều kiện thăm hỏi các cụ già ở đây. Linh mục cũng sắp xếp lịch hai buổi là thứ ba, thứ sáu đến khám bệnh và chữa trị cho các bệnh nhân

HIV/AIDS ở phòng khám bệnh nhà thờ Phú Trung cùng với nhóm Tiếng Vọng, rồi còn dành thời gian đi thăm bệnh nhân AIDS giai đoạn cuối ở Trung tâm Mai Hoà. Chỉ cần thấy bóng xe máy của linh mục ở cổng là lũ trẻ trong Trung tâm chạy ào ra ríu rít: Cha Chung, bố Chung.

Giữa năm 2010, cha Chung nhận được điện thoại của một giáo dân:

- Cha ơi, có một đứa trẻ bị bệnh sấp mù, Cha có giúp được không?

- Giúp chứ sao không.

- Nhưng em đó không phải là người Công giáo

- Vẫn giúp, đem xuống Sài Gòn đi, Cha đón.

Thế là linh mục chạy vạy bác sĩ quen, tìm kiếm kinh phí đưa bé A Phan đi phẫu thuật. Căn bệnh của em rất phức tạp vì phát hiện muộn. Ba tháng sau, em xin gia nhập đạo, Linh mục Chung đã rất xúc động khi rửa tội cho em vào ngày 12-8-2010 với tên thánh là Phaolô. Một tháng sau, bé A Phan qua đời trong bệnh viện nhưng tấm lòng của Linh mục Chung đã làm cho gia đình em vô cùng cảm động. 15 gia đình dòng họ của em đã xin học giáo lý Công giáo để gia nhập đạo.

Tấm gương tốt đời đẹp đạo của Linh mục Chung không phải bằng lời giảng thuyết mà bằng lòng thương yêu người bệnh nghèo khổ.

ÂN NHÂN CỦA NHỮNG BỆNH NHÂN PHONG Ở DI LINH¹

TS. PHẠM HUY THÔNG*

Theo quan niệm trong dân gian, nỗi bất hạnh lớn nhất của con người là mắc phải bệnh phong cùi, có nơi gọi là bệnh hủi, bởi vì căn bệnh này không chỉ khó chữa trị mà người bệnh còn bị gia đình, cộng đồng xa lánh, hắt hủi. Thế nhưng những bệnh nhân phong cùi ở trại phong Di Linh (Lâm Đồng) lại có được sự may mắn vì ở đây có những con người không chạy trốn họ mà dám chia sẻ nỗi khổ đau với họ, nâng đỡ họ vượt qua được những mặc cảm, định kiến để vươn lên làm một người bình thường. Nữ tu Mai Thị Mậu là một người như thế. Chị đúng là ân nhân của những bệnh nhân phong.

Trại phong Di Linh được thành lập từ những năm 50 của thế kỷ XX và người có công lớn là

* Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam.

1. Bài đăng trên tạp chí *Mặt trận*, số 13, tháng 8-2013.

Giám mục Jean Cassaigne. Vị giám mục này sau 14 năm cai quản Giáo phận Sài Gòn đã xin từ nhiệm lên Di Linh, lúc đó còn là vùng rừng thiêng nước độc, cùng với một số nữ tu để xây dựng một nơi cho những người bị bệnh phong cùi có chỗ trú ngụ và chữa trị. Cuối cùng, chính vị giám mục này đã bị lây bệnh cùi và mất ở mảnh đất này năm 1973.

Là một nữ tu của dòng Nữ tử Bác ái Vinh sơn, quê ở huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, nữ tu Mai Thị Mậu được nhà dòng cho đi học nghề y để có thể phục vụ đồng bào được hữu hiệu hơn. Chị cũng như tất cả các nữ tu khác của dòng đều có tâm niệm rằng, được phục vụ người nghèo khổ là niềm hạnh phúc vì theo đức tin của các chị, người nghèo khổ, bệnh tật, bất hạnh, đó chính là anh, chị, em của mình. Được phục vụ, săn sóc họ chính là phục vụ, săn sóc cho Chúa, cho anh, chị, em của mình. Niềm tin đó cùng với nhiệt huyết của tuổi trẻ đã thúc đẩy chị đến với trại phong Di Linh vào năm 1965.

Ngay ngày đầu tiên đến Di Linh, chị đã gặp một người đàn ông bị bệnh phong hủi ăn cứt cả bàn tay, hốt hải chạy đến kêu chị giúp đỡ. Vợ anh ta trở dạ mà mãi không sinh được. Sơ Mậu không được học nghề đỡ đẻ, nhưng ở đấy không ai biết nghề y. Vậy là chị nhận lời đi. Trời tối, đèn đóm chẳng có mà sản phụ thì đau đớn kêu la.

Chị vừa động viên sản phụ, vừa làm các động tác giúp sản phụ dễ sinh hơn. Để có ánh sáng, người chồng phải đốt củi ngò, là loại cây khi cháy rất khói, vì vậy nước mắt của chị chảy giàn dụa. Phải mất ba tiếng đồng hồ đứa trẻ mới chịu chào đời vì nó quá lớn, nặng những 4,5 kg mà sản phụ lại bị sa tử cung. Giữa rừng, biết tìm đâu ra bác sĩ bây giờ? Vậy là chị cứ làm theo bản năng, tẩy trùng sạch sẽ rồi đẩy vào. Chị phải thức trắng cùng sản phụ vì lo lắng. May mắn là họ đã mẹ tròn con vuông. Thế là từ đấy, chị trở thành bà đỡ mát tay cho bao đứa trẻ ở đây chào đời và cũng thành bà mối cho bao bệnh nhân trong trại phong Di Linh nên vợ nên chồng.

Công việc của Sơ Mậu ở trại phong rất vất vả. Trại có 354 bệnh nhân, trong đó có 147 người bị tàn phế vĩnh viễn. Có những gia đình mấy thế hệ đều là bệnh nhân và đều do tay Sơ Mậu chăm sóc. Vì vậy công việc vô cùng bận rộn từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Ngày nào cũng như ngày nào. Nếu có chút thì giờ là chị ra vườn cà phê để hướng dẫn cho một số bệnh nhân có sức lao động có thể làm ra sản phẩm từ chính bàn tay của họ.

Điều lo lắng nhất của Sơ Mậu không chỉ là chữa lành cho các bệnh nhân phong ở đây mà làm sao để họ có thể hòa nhập với cộng đồng, với xã hội. Dĩ nhiên, điều này cần ở cả hai phía,

dư luận xã hội và chính những người bị bệnh phong. Đối với bệnh nhân, phải làm cho họ có ý chí vươn lên. Muốn vậy, họ cần được học hành. Không có giáo viên, các chị tự làm giáo viên. Không có giáo án, sách giáo khoa, các chị tự mày mò sao cho con em người bệnh có thể đọc được cái chữ, biết làm tính. Nhưng chỉ đọc thông, viết thạo là chưa đủ, muốn vươn lên phải học cao hơn nữa. Vậy là chị Mậu cho mở lớp học tập trung. Con em bệnh nhân được nuôi ăn, ngủ tại trại để chuyên lo việc học văn hóa. Chúng được nuôi dạy chu đáo hơn ở nhà nhưng cũng phải học hành cẩn thận dưới sự giám sát của các nữ tu. Vào mỗi buổi tối, chị Mậu luôn đi kiểm tra từ việc làm bài tập đến việc đi ngủ của trẻ. Bao giờ đứa trẻ cuối cùng yên giấc chị mới về phòng của mình. Tình cảm yêu thương của Sơ Mậu đã là định hướng cho một số em đi theo nghề y và quay về phục vụ chính những bệnh nhân của trại Di Linh như y tá Ka Sửu, bác sĩ K'Điut. Y tá Ka Sửu nói: "Cháu từ lúc sinh ra đã được Sơ Mậu chăm sóc, yêu quý. Cháu chọn nghề y là muốn phụ giúp cho Sơ Mậu đỡ vất vả và giúp đỡ chính bà con bệnh nhân ở đây".

Còn ông K'Bles - bố đẻ của bác sĩ K'Điut lại vô cùng xúc động vì nhờ có Sơ Mậu mà con trai của ông nay mới trở thành bác sĩ và hiện là Phó Giám đốc Trung tâm. Đó là niềm tự hào của gia

đình ông, một gia đình có ông bà là bệnh nhân phong của trại Di Linh. Ông nói: "Tất cả chúng tôi ở trại Di Linh này đều biết ơn bà Mậu. Mọi người ở đây gọi bà ấy là Mơi Mậu, tức Mẹ Mậu. Ông bà tôi là bệnh nhân được bà ấy chăm sóc đã đành, đến đời chúng tôi và con cái chúng tôi dù không mắc bệnh vẫn được bà ấy chăm lo, nâng đỡ như con cháu ruột thịt trong nhà".

Ông kể lại những hình ảnh kinh hoàng trong quá khứ đã ám ảnh biết bao bệnh nhân bị phong cùi. Những người không có bàn tay, không có ngón tay, phải dùng dây chun buộc cuốc, rửa vào cùi tay để cày cuốc kiếm ăn qua ngày, máu chảy đỏ cả luống cà phê. Có người bị vi khuẩn phong ăn mất cả sống mũi, hai cái hốc vếch lên trời. Có người bị hủy ăn mất cả thanh quản, gặp người chỉ ú ớ, khắp người lở loét. Họ bị dân làng xua vào rừng, chết dần chết mòn và làm mồi cho cọp vì người bị bệnh phong rất nặng hơi nên cọp dễ phát hiện và họ cũng không có sức để chạy trốn hay chống đỡ.

Đau với nỗi đau của người bệnh, nên Sơ Mậu tìm mọi cách để làm giảm nỗi đau đớn của họ. Do bị cùi ăn nên tay chân người bệnh biến dạng, không đi giày dép được. Sau năm 1975, thấy bộ đội có đôi dép lốp, Sơ Mậu tìm một thợ ở Sài Gòn lên làm dép cho từng bệnh nhân ở đây. Những đôi dép lốp cao su đã mang lại niềm vui

cho các bệnh nhân vì giờ đây họ có thể rửa chân lên giường đi ngủ và ra đường không phải cọ chân đến chảy máu trên cát sỏi nữa. Thế nhưng Sơ Mậu vẫn còn băn khoăn vì những đôi dép đó không đẹp và nhất là vẫn gây đau đớn cho người bệnh. Sơ tìm bạn bè dò kiếm biện pháp khác cho người bệnh. Niềm vui đã đến với Sơ khi một tổ chức nhân đạo đã đồng ý trang bị cho trại Di Linh một phòng làm giày chỉnh hình cho các bệnh nhân phong. Nói sao cho hết được niềm vui của các bệnh nhân khi được đến đo chân đóng giày. Họ đã được đối xử như những người bình thường khác.

Sơ Mậu vẫn còn lo xa hơn nữa. Chẳng lẽ cứ tập trung các bệnh nhân quanh quẩn ở trại Di Linh? Vậy là Sơ lo kiếm đất, tạo lập một cơ sở 2 cho trại. Mảnh đất này là của một bác sĩ người Đức gốc Pháp khi đến nhờ Sơ chữa bệnh. Bệnh khỏi, ông muốn cảm ơn và Sơ Mậu đã đề nghị ông bán rẻ cho mảnh đất 53 ha với giá 15 cây vàng vào năm 1973. Bây giờ khu đất này là một làng mới cho các gia đình bệnh nhân đã lành bệnh, để họ có cơ hội làm kinh tế và hòa nhập với cộng đồng. Làng mới đó hiện nay là xã Gia Hiệp. Đã có 135 gia đình tình nguyện đến nhập làm cư dân của làng. Mỗi gia đình đều được cấp bốn sào đất và một ngôi nhà trị giá 12 triệu đồng. Sơ Mậu và các nhân viên đã dạy cho họ

biết cách trồng cà phê, chăn nuôi và cả cách tính toán, quản lý một gia đình. Bây giờ nhiều gia đình đã có một cơ ngơi, tuy chưa giàu có nhưng cũng không thua kém với những người ở làng bên. Gia đình chị Ka Đim là một gia đình như thế. Chị có vườn cà phê, trong chuồng có vài chục con lợn lớn nhỏ. Chị xúc động kể: "Chúng tôi được Sơ Mậu dạy dỗ từ cách trồng cấy, chăn nuôi đến việc tần tảo chi tiêu trong gia đình. Cha mẹ chúng tôi cũng không chỉ bảo được như thế. Sơ Mậu là ân nhân của tất cả chúng tôi".

Cơ sở 2 hiện nay cũng có một xưởng may dạy nghề cho các em gái, giúp các em sau này có thể sống tự lập. Làng cũng có một nhà trẻ để cha mẹ chúng có thể yên tâm gửi con, đi làm. Dù bận đến đâu, mỗi tuần Sơ Mậu cũng ghé qua nhà trẻ để dạy các cháu hát và nghe chúng bi bô chào. Điều đáng mừng là 100% trẻ em ở làng này đều được đến trường. Có nhiều em còn được học lên cao. Có 10 em đang học phổ thông trung học và bốn em đang học đại học. Đó cũng là niềm vui của người nữ tu Mai Thị Mậu khi bước vào tuổi 63.

Gần 40 năm gắn bó với trại phong Di Linh, Sơ Mậu chưa bao giờ kêu ca phàn nàn về lương bổng bởi chị rất cảm thông khi tỉnh Lâm Đồng còn nhiều khó khăn, không được phát triển

như nhiều tỉnh, thành khác. Theo gương chị, các nữ tu cũng như các nhân viên ở đây đều cần cù, tận tụy với công việc, không ai bỏ nghề, bỏ việc đi nơi khác. Bởi vì những lúc khó khăn nhất, Sơ Mậu đã không bỏ các bệnh nhân phong mà đi thì nay lại càng không thể bỏ trại Di Linh mà đi. Bởi nếu không có sự giúp đỡ của các sơ thì với mức trợ cấp của Nhà nước là 120 ngàn đồng/tháng, bệnh nhân làm sao có thể đủ trang trải được cuộc sống với mức giá cả đắt đỏ như hiện nay.

Công việc của Sơ Mậu nay cũng đã bớt nhọc nhằn hơn vì đã có những nhân viên trẻ trung thay thế, nhưng trong cương vị là người quản lý ở đây, đầu óc của chị vẫn không bao giờ ngơi nghỉ. Chị nói: "Người bị bệnh phong cùi bây giờ đã đỡ khổ hơn nhưng vẫn còn cơ cực lắm. Cà phê năm được, năm mất mà nếu được mùa có khi giá lại hạ. Phải tìm cây khác chắc ăn hơn. Tôi đang thử đưa cây ăn trái vào trồng. Hy vọng đây sẽ là lối đi để dân có cuộc sống ổn định".

Năm 2004, chị đón nhận nhiều niềm vui lớn, trong đó có việc chị được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba. Điều đó chứng tỏ công sức của chị đã được xã hội ghi nhận. Tuy nhiên, chị còn vui hơn nữa khi địa phương dù còn khó khăn nhưng đã đầu tư xây dựng cho trại phong Di Linh một cơ ngơi khá khang trang.

Người bệnh giờ đây đã có chỗ ở và nơi điều trị thoáng mát hơn, và đặc biệt trẻ em đã có lớp học, có sân chơi. Trại phong Di Linh bây giờ không còn là nỗi khiếp sợ mà trở thành mái ấm với đầy ắp tiếng hát, tiếng cười của con trẻ.

Khi hỏi về cuộc sống của chị, chị lại chỉ nói về các đồng nghiệp. Họ đã cộng tác với chị và gắn bó với chị như chị em trong một gia đình. Những bệnh nhân thì hết lời ca ngợi các chị nhưng chính Sơ Mậu lại nói rằng, chị học được rất nhiều đức tính tốt của người bệnh như tính kiên nhẫn, biết vượt qua và chiến thắng nỗi đau thể xác và tinh thần, chấp nhận bệnh tật để vươn lên trong cuộc sống.

Sau khi chương trình "Người xây tổ ấm" của Đài Truyền hình Việt Nam năm 2004 nói về Sơ Mai Thị Mậu phát sóng, đã có rất nhiều người đến thăm trại phong Di Linh như để chia sẻ với các bệnh nhân và cũng để tận mắt chứng kiến những việc làm âm thầm nhưng cao thượng và đầy tình nhân ái của Sơ. Không ít người đã đặt ra câu hỏi: Vì sao Sơ làm được như thế? Sơ Mậu trả lời: "Vì tôi là người may mắn được Chúa cho lành lặn nên tôi phải chia sẻ cho anh, chị, em tôi là các bệnh nhân phong. Tôi thay mặt những người lành lặn đến đây và tôi biết có nhiều người cũng muốn thế nhưng chưa có điều kiện".

Khi chúng tôi hỏi về những ước muốn của mình, Sơ nói: "Tôi chỉ mong tất cả những bệnh nhân phong sớm được tái nhập vào cộng đồng xã hội, được xã hội tạo điều kiện học văn hóa, học nghề để lập nghiệp như những người bình thường khác".

Cầu chúc cho những ước mong tốt đẹp của Sơ Mậu sớm thành hiện thực và cầu mong cho xã hội ta có thêm nhiều người có lòng nhân ái như nữ tu Mai Thị Mậu để làm dịu bớt các nỗi đau của những người kém may mắn.

Năm 2005, khi gặp nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười, nghe chuyện của chị, nguyên Tổng Bí thư nói: "Chị phải được phong hai lần anh hùng mới xứng". Năm 2006, nữ tu Mai Thị Mậu đã được Nhà nước tặng danh hiệu cao quý Anh hùng Lao động.

Năm nay, Sơ Mậu đã ngoài 70 tuổi và đã nghỉ hưu nhưng vẫn chưa rời công việc chăm sóc bệnh nhân ở trại phong Di Linh. Người ta hỏi Sơ sao chưa về nghỉ tuổi già? Sơ đáp: "Làm sao tôi bỏ đi được, khi bà con luôn chờ tôi cũng giống như tôi đi lấy chồng thì trại phong này cũng là gia đình chồng tôi vậy. Tôi sẽ thuộc về nơi này mãi mãi".

VỊ LINH MỤC HẾT LÒNG VÌ DÂN¹

HẠNH NGUYỄN*



Linh mục Phạm Văn Hứa

Linh mục Phạm Văn Hứa (Giáo xứ Vạn Căn, hạt Ngàn Sâu, thuộc xã Hà Linh, huyện Hương Khê,

* Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Tĩnh.

1. Bài đăng trên Trang Thông tin điện tử của Ban Tôn giáo Chính phủ, tháng 4-2012.

tỉnh Hà Tĩnh) được ví như người cha đã khai sinh ra làng Vạn Căn mới.

Trận "đại hồng thủy" năm 2010 đã nhấn chìm hàng trăm ngôi nhà ở huyện Hương Khê, khi đó làng Vạn Căn là vùng thấp trũng nên bị thiệt hại rất nặng nề. Người dân nơi đây đã bao đời phải chịu gian truân mỗi khi mùa mưa lũ đến. Đến khi 58 hộ dân của làng theo Linh mục Phạm Văn Hứa làm cuộc "di căn" chuyển lên đồi Cơn Lá thì cuộc sống của bao người đã đổi thay.

Chúng tôi đến làng Vạn Căn vào một ngày nắng như đổ lửa nhưng không khí phàn khởi của người dân nơi đây đã xoa dịu đi phần nào cái nắng của vùng núi giữa hè. Dù bận bịu với việc chuẩn bị khánh thành nhà thờ của giáo xứ nhưng Linh mục Phạm Văn Hứa vẫn dành thời gian đón tiếp chúng tôi. Cuộc tiếp xúc đã giúp tôi kiểm chứng được những gì cán bộ và nhân dân xã Hà Linh nói về vị linh mục này là hoàn toàn đúng.

Khi được cử về công tác tại làng Vạn Căn cũ (ở xóm 14 xã Hà Linh), ông Hứa "nản" lắm vì dân ở đây luôn phải quẩn quanh với đói nghèo, bao nhiêu của nả đều theo nước lũ trôi đi, nhất là trận lũ năm 2010. Muốn đưa dân thoát nghèo thì theo ông Hứa trước hết phải có "địa lợi". Đồi Cơn Lá (xưa cha ông gọi là đồi Cồn Đá) chính là lựa chọn của ông. Nhận thấy đề án di dời dân

khỏi vùng "rốn lũ" Vạn Căn của linh mục lên đây là hợp lý, chính quyền xã Hà Linh đã báo cáo lên cấp trên và nhanh chóng thực hiện. Tháng giêng năm 2011, 58 hộ dân đã theo chân linh mục lên đồi Cơn Lá.

Ông Nguyễn Đình Manh, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã Hà Linh cho biết: "Người dân bắt đầu xây dựng lại cuộc sống ở địa điểm khác với bao khó khăn, vất vả khi của cải chẳng có gì đáng giá. Nhà nước đã hỗ trợ mỗi hộ gia đình 10 triệu đồng, chính quyền cùng các tổ chức đoàn thể ở địa phương đã giúp dân di dời lên vùng đất mới, giúp dân ổn định cuộc sống. Trong cuộc di dời này có vai trò rất lớn của cụ Hứa vì cụ không chỉ xin đất, xây dựng đề án mà còn kêu gọi các tổ chức, đơn vị ủng hộ thêm cho các hộ...".

Linh mục Phạm Văn Hứa chia sẻ: "Tôi không nhớ tổng số tiền đã kêu gọi ủng hộ cho 58 hộ lần đó là bao nhiêu, có sổ sách ghi chép nhưng giờ không có thời gian để lục lại, tôi chỉ nhớ hộ nhiều nhất là được 45 triệu đồng, ít nhất là 25 triệu đồng, nhiều hộ được 30 triệu đồng. Khi lên đây thì vườn không, nhà cũng không nhưng giờ thì nhà nào cũng khang trang, sạch, đẹp. Nhà thờ của giáo họ Vạn Căn làm hết năm tỉ đồng nhưng người dân không phải đóng góp đồng nào, chỉ có bỏ công nuôi thợ thôi vì họ mới lên đây có gì mà góp chứ...".

Đối với Linh mục Phạm Văn Hứa, việc đạo và việc đời luôn được ông thực hiện trọn vẹn, phối hợp với chính quyền địa phương vận động nhân dân thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ công dân. Ông luôn tận tụy, hết lòng với nhân dân, người dân sướng thì lòng ông vui và ngược lại. Ông không hề phân biệt dù theo đạo hay không, mỗi khi quyên góp được nguồn hỗ trợ, ông đều phân phát cho cả giáo dân và nhân dân, đặc biệt là học bổng cho học sinh nghèo vượt khó. Khi được hỏi về việc lấy ý kiến đóng góp của nhân dân về sửa đổi Hiến pháp năm 1992, ông nhận định đó là sự thường, sửa đổi để phù hợp với hiện nay là điều cần thiết và ông không phản đối điều gì.

58 hộ dân di dời lên đồi Cơn Lá, cộng với 16 hộ khác mới lên sáp nhập với các hộ dân của xóm 12 cũ, đến nay xóm đã có 136 hộ với 95% là giáo dân, 75% gia đình văn hóa, điều đó chứng tỏ đời sống văn hóa tinh thần của bà con hết sức tốt đẹp. Sự đoàn kết, tương trợ lẫn nhau đã giúp nhân dân vượt qua bước đầu gian nan, cuộc sống đã dần dần đổi thay. Mùa mưa lũ lại sắp cận kề nhưng những hộ dân làng Vạn Căn năm xưa đã phần nào yên tâm hơn.

Tuy nhiên, nổi bật khoản lớn nhất của Linh mục Phạm Văn Hứa cũng như bà con nơi đây chính là con đường của xóm, hệ thống nước sạch và các công trình vệ sinh. Ông Lê Văn Thu, xóm

trưởng xóm 12 chia sẻ: "Bà con đã hiến đất, hiến cây để mở những con đường rộng rãi nhưng vẫn lầy lội mỗi khi mưa xuống, nhu cầu nước sạch của dân rất bức thiết do họ không có tiền để khoan giếng vì đây là đất đồi nên phải khoan sâu mới có nước. Ngoài ra, các hộ đã dồn hết tiềm lực để xây nhà nên giờ hầu hết các công trình vệ sinh vẫn chưa bảo đảm".



Nhà thờ Giáo xứ Vạn Căn

CÓ NHỮNG NGƯỜI CON CÔNG GIÁO Ở TÂY NGUYÊN NHƯ THẾ¹

VŨ THÀNH NAM*

**1. Ông Gioan Ya Duck - Từng được vinh
thăng lên tới chức Đệ nhất - Phó Thủ
tướng FULRO nhưng vẫn từ bỏ để về với
buôn làng**

Vụ việc gây rối ở Tây Nguyên xảy ra vào tháng 2-2001 và tháng 4-2004 cho thấy các thế lực thù địch vẫn luôn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", xúi giục, kích động, lợi dụng một số bà con người dân tộc Tây Nguyên nhẹ dạ cả tin, tuyên truyền, bôi nhọ nói xấu chế độ, chia rẽ đoàn kết dân tộc, tôn giáo, phá hoại cuộc sống bình yên của buôn làng. Bọn xấu đó là FULRO lưu vong, đứng đầu là Ksor Kơk được các thế

* Báo *Người Công giáo Việt Nam*.

1. Bài đăng trên báo *Công an nhân dân* hàng ngày, năm 2006.

lực thù địch ở nước ngoài ủng hộ đã lừa mị đồng bào bằng giọng điệu xảo trá; nhưng thật may số người bị lợi dụng cũng sớm nhận ra và quay về với đồng bào. Trước đó, đã có những người con lầm đường sang chiến tuyến bên kia, đã đạt đến đỉnh cao về quyền lợi vật chất, chức vụ... Song sự thức tỉnh lương tri đã giúp họ quay về với dân tộc.

Tôi vinh dự được các đồng chí ở Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tạo điều kiện tham dự, đưa tin tại Đại hội Đại đoàn kết các dân tộc Tây Nguyên, kỷ niệm 60 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số miền Nam họp tại Pleiku. Đại hội diễn ra vào tháng 3-2006, song tinh thần và tình cảm của Đại hội vẫn còn đọng trong tôi.

Đại hội là dịp quy tụ, biểu dương những điển hình tiên tiến, những người con Tây Nguyên kiên trung, vững lòng theo Đảng, theo chế độ, kể cả những con người đã từng lầm đường lạc lối. Có mặt chứng kiến tại Đại hội, tôi mới thấy hết được chính sách đại đoàn kết dân tộc của chúng ta sâu sắc, tinh tế đến nhường nào!

Trên hàng ghế Đoàn Chủ tịch có cả thầy 36 ghế, gồm đại diện lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam... thì có 9 ghế là người tiêu biểu các dân tộc ở Tây Nguyên. Trong số đó có: Hòa thượng Thích Pháp Chiếu -

Phật giáo Lâm Đồng; Giám mục Hoàng Đức Oanh - Tòa Giám mục Kon Tum; bà Y Theng dân tộc Xêđăng; ông Rơ Măh Klum dân tộc Jarai - Anh hùng Lao động tỉnh Gia Lai; Y Bơnm dân tộc Bana - Nghệ sĩ nhân dân; Thiếu tướng Y Blốc Êban dân tộc Êđê; Mục sư Yky Êban dân tộc Êđê; cháu H'Rất, học sinh lớp 10, dân tộc M'nông và một ghế nữa dành cho một người tiêu biểu dân tộc K'ho. Đó là một người có khuôn mặt quắc thước, giọng nói vang vang, dáng hình đen đậm như gỗ đá, đúng là người con của núi rừng Tây Nguyên - ông là Gioan Ya Duck, hiện là Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc tỉnh Lâm Đồng.

Ông Gioan Ya Duck đã có một thời lầm lỗi, lạc đường, đứng bên kia chiến tuyến và đã lên tới chức Đệ nhất - Phó Thủ tướng FULRO. Ông kể lại, ngày ấy Ksor Kơk (một trong những tên đứng đầu tổ chức FULRO chỉ đạo từ xa, gây rối ở Tây Nguyên năm 2001) chỉ là hạ cấp vô danh tiểu tốt trong mắt ông; kể cả sau này khi nó (Ksor Kơk) ngai lên cao, nhưng hễ cứ có ai nhắc đến tên ông cũng đủ khiến nó kinh hồn bạt vía.

Mặc dù đã đạt vị trí cao ở bên kia chiến tuyến song tiếng gọi của thác thiêng núi thánh Tây Nguyên đã giúp ông Gioan Ya Duck tỉnh ngộ; ông nhận ra đó là lầm đường. Tại Đại hội này, ông đã phải thốt lên trong bài tham luận: "Đời

người không ai tránh khỏi những vấp ngã trên bước đường trưởng thành. Vấn đề là biết nhận ra, hướng đến và thực hiện chân lý, theo điều thiện vì lợi ích của dân tộc, của đất nước. Đó là niềm hạnh phúc lớn lao mà tôi đã trải nghiệm trong đời mình và tôi càng thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, vào chế độ, về tương lai tươi sáng của nhân dân"...

2. Linh mục Trần Mạnh Cường - được bảo lãnh hoàn toàn sang định cư tại Hoa Kỳ theo diện HO, song vẫn từ chối và hiện nay là đại biểu Quốc hội

Cũng tại Đại hội này tôi còn được gặp một gương mặt khác, đó là Linh mục Giuse Trần Mạnh Cường. Linh mục Cường sinh năm 1942. Trước đây, Linh mục đã phải nhận bài sai (một dạng như quyết định) của Giám mục bản quyền sang làm Linh mục tuyên úy trong quân đội Cộng hòa (từng tốt nghiệp Khoa Văn tại Sài Gòn, lên quân hàm được quy đổi ngang với Thiếu tá)... Sau khi thống nhất hai miền Nam - Bắc, Linh mục đã được Nhà nước ta tạo điều kiện cho đi học tập chính sách mới.

Có lần ngồi uống trà cùng Linh mục, tôi hỏi về những năm tháng đi học tập chính sách mới của Đảng, Nhà nước, Linh mục khá vui vẻ, nói như muốn khép lại chuyện quá khứ rồi cười

chốt lại: "Thời bình biến mà anh!". Hiện nay, Linh mục đảm trách Chánh xứ Duy Hòa - thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Chủ tịch Ủy ban Đoàn kết Công giáo tỉnh Đắk Lắk và là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh ba khóa gần đây.

Xét theo diện HO, Linh mục được bảo lãnh sang định cư tại Hoa Kỳ nhưng nhờ có tấm lòng gắn bó với Tây Nguyên, Linh mục ở lại phục vụ sống đời sống đức tin, chứng minh đạo trong đời, "Sống phúc âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào"¹. Kể cả sau này, khi con cháu của Linh mục mời ngài sang du lịch, thăm thú và gợi ý nuôi dưỡng ngài, nhưng ngài đã nói với họ: "Không đâu có thể an bình bằng Việt Nam quê mẹ, hơn thế nữa đời tu trì đâu có cần nhiều tiền lương của làm chi!". Tại Đại hội, Linh mục tự hào lên báo cáo rằng: 100% đồng bào Công giáo Kinh - Thượng tại Tây Nguyên chung sống đoàn kết, không ai bị các thế lực thù địch lợi dụng. Cũng dịp ấy, Linh mục vinh dự đón nhận Huân chương Đại đoàn kết dân tộc đợt I.

Cuộc bầu cử Quốc hội khóa XII vừa qua, Linh mục được cử tri Đắk Lắk tín nhiệm bầu

1. Trích *Thư chung* của Hội đồng Giám mục Việt Nam năm 1980.

làm đại biểu Quốc hội với số phiếu tín nhiệm khá cao. Tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XII, Linh mục tiếp tục được giới thiệu tham gia Ủy viên Ủy ban các vấn đề xã hội.

Bên lễ Quốc hội, tôi có hỏi ngài: "Tâm trạng của ngài như thế nào tại kỳ họp này?". Ngài trả lời: "Tôi có cảm nhận pha trộn giữa vinh dự và âu lo. Vinh dự vì mình đại diện cho đồng bào Công giáo không chỉ là địa phương Đắk Lắk mà còn cho bà con Công giáo toàn quốc. Cũng như với tư cách là đại biểu Quốc hội thì không chỉ là đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân Đắk Lắk, mà còn đại diện cho ý chí và nguyện vọng của đồng bào cả nước. Nhận thức này gắn liền với âu lo trước một trách nhiệm quá to lớn. Trước mắt tiếp tục động viên đồng bào Công giáo Kinh - Thượng tại Tây Nguyên chấp hành tốt hơn nữa chủ trương, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng - Nhà nước ban hành để chào mừng Đại hội lần thứ V Ủy ban Đoàn kết Công giáo toàn quốc".

HÀNH THIỆN TỪ NHỮNG VIỆC LÀM THIỆT THỰC¹

TRẦN DUY HƯNG



*Thượng tọa Thích Thanh Cần - "người cha"
của những đứa trẻ bị bỏ rơi*

1. Bài đăng trên Trang Thông tin điện tử của Ban
Tôn giáo Chính phủ, ngày 22-1-2013.

Ở huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, Thượng tọa Thích Thanh Cần được nhiều tăng ni, tín đồ Phật tử và người dân biết đến không chỉ bởi ông là Phó trưởng Ban đại diện Hội Phật giáo huyện Hải Hậu, cùng lúc trụ trì ba ngôi chùa trên địa bàn mà còn bởi nhiều việc làm từ thiện và những đóng góp thiết thực của ông trong phong trào xây dựng nông thôn mới...

1. Nhà sư bận việc... "làm cha"

Những ai đã và đang chăm sóc trẻ em đều biết đây là công việc không đơn giản, đòi hỏi nhiều kiến thức, kỹ năng, trên hết là một tấm lòng yêu trẻ. Vậy nên, đến chùa Quế Phương (xã Hải Tây, huyện Hải Hậu) chúng tôi thật cảm động khi chứng kiến Thượng tọa Thích Thanh Cần trụ trì chùa đang cùng lúc chăm sóc đến bốn em bé. Hỏi chuyện mới biết các em đều là những đứa trẻ bị bố mẹ bỏ rơi ở cổng chùa ngay từ lúc mới sinh, được Thượng tọa nhận nuôi mang nuôi dưỡng. Không biết nguồn gốc, tên tuổi nên khi nhận nuôi các em, Thượng tọa đã đặt tên mới cho các bé theo họ Phật, đó là Thích Thanh Thành, Thích Thanh Hưng, Thích Tâm Phúc và Thích Ngọc Minh. Năm nay, Thích Thanh Thành và Thích Thanh Hưng đã tròn 5 tuổi; Thích Tâm Phúc - bé gái duy nhất mới được 18 tháng tuổi, riêng em út Thích Ngọc Minh mới chỉ được 8 tháng tuổi.

Thượng tọa kể, bây giờ ông và các đệ tử đã có nhiều kinh nghiệm nuôi trẻ chứ những ngày đầu gặp rất nhiều khó khăn. Thậm chí, nhà chùa phải vào làng tìm những bà mẹ đang nuôi con nhỏ để học hỏi kinh nghiệm, tham khảo thêm cả trên sách báo. Khi đã thạo việc, 5 năm qua, ông cùng ba đệ tử thay nhau làm tất cả các công việc nuôi dưỡng, chăm sóc các em như một người mẹ. Dẫn chúng tôi vào phòng ở của các em, Thượng tọa kể, đêm đêm mấy thầy trò cùng "đàn con" trải đệm nằm ngủ dưới nền nhà. Chùa không thiếu giường nhưng vẫn phải trải đệm dưới đất bởi sợ nếu ngủ trên giường, các cháu dễ lăn xuống đất.

Mấy năm qua, Thích Thanh Thành, Thích Thanh Hưng đến tuổi học mẫu giáo, Thượng tọa cùng các đệ tử lại có thêm một việc là ngày ngày thay nhau đưa đón các em đến trường. Để yên tâm mỗi khi đi vắng, Thượng tọa cho lắp hệ thống camera nối với internet, nhờ vậy bằng chiếc điện thoại, ở đâu ông cũng quản lý được "các con" và bao quát được mọi việc ở chùa.

2. Một tấm lòng với quê hương

Trò chuyện với Thượng tọa Thích Thanh Cần, chúng tôi như thấy được niềm tự hào của ông về quê hương Hải Hậu, huyện duy nhất của cả nước đến nay đã ba lần được phong tặng

danh hiệu Anh hùng, liên tục trong hàng chục năm qua là điển hình của cả nước về phong trào văn hóa cơ sở. Vừa qua, huyện Hải Hậu còn được Trung ương chọn chỉ đạo thực hiện thí điểm mô hình xây dựng nông thôn mới với 35/35 xã, thị trấn trong huyện cùng tham gia thực hiện. Không chỉ tự hào, Thượng tọa cùng các chức sắc, tăng ni trên địa bàn đã và đang có nhiều việc làm thiết thực đóng góp xây dựng, phát triển quê hương. Cách đây chưa lâu, ông đã vận động quyên góp ủng hộ nhân dân xóm 12, xã Hải Hà toàn bộ vật liệu để làm một con đường bê tông dài một cây số.

Thượng tọa tâm sự: "Nhìn bà con hào hứng đắp đất, đổ vật liệu làm đường, xong việc lại tổ chức liên hoan mừng có đường mới, nhà chùa cảm thấy rất vui vì việc làm nhỏ bé của mình đã góp phần khơi gợi, nhân lên tinh thần đoàn kết trong cộng đồng dân cư".

Cũng từ nỗi thương cảm với người nghèo, mới đây ông còn vận động quyên góp, làm được hai nhà Đại đoàn kết tặng hai hộ nghèo trong xã Hải Tây. Chuyện kể rằng, khi Hội Phụ nữ xã Hải Tây tổ chức quyên góp trong hội viên để xây nhà cho một hội viên có hoàn cảnh khó khăn, nhưng cố lắm cũng chỉ được một nửa số tiền, số còn lại chẳng biết vận động thêm ở đâu vì khả năng đóng góp của hội viên có hạn. Biết

được vấn đề khó khăn của hội, Thượng tọa đã không ngần ngại ủng hộ toàn bộ số tiền còn thiếu đó.

Cấp ủy, chính quyền và nhân dân các xã trong huyện luôn nhắc tới công đức của Thượng tọa cho phong trào khuyến học của địa phương. Trong đó phải kể đến việc nhiều năm qua, hằng tháng, Thượng tọa luôn duy trì, ủng hộ 30 em học sinh có hoàn cảnh khó khăn ở ba xã Hải Tây, Hải Đông, Hải Long - nơi Thượng tọa đang làm Phật sự, mỗi em 50 nghìn đồng/tháng để có thêm chi phí học hành. Hằng năm, vào dịp đầu năm mới, Thượng tọa đều xin phép chính quyền địa phương cho tổ chức gặp mặt con em ở quê hương Hải Hậu đang là sinh viên theo học tại các trường cao đẳng, đại học, vừa để trao quà, vừa để khích lệ tinh thần học tập của các em.

Bằng những việc làm cụ thể, thiết thực, quan tâm giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn, Thượng tọa Thích Thanh Cần đã và đang góp phần thiết thực làm nên những giá trị nhân văn cao đẹp của đạo Phật, nhất là tinh thần từ bi, hỷ xả thấm sâu, lan tỏa trong đời sống hôm nay.

PHÒNG KHÁM TỪ THIỆN HỌ ĐẠO CAO ĐÀI - NƠI CHIA SẺ GÁNH NẶNG VỚI NGƯỜI NGHÈO¹

KIM HÁ

Được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ năm 2010 đến nay, Phòng khám y khoa từ thiện của Họ đạo Cao đài Tây Ninh ở phường 5, thành phố Cà Mau đã thu hút đông đảo người dân nghèo đến khám, chữa bệnh miễn phí. Đặc biệt là những người nghèo, người già không có điều kiện mua thẻ bảo hiểm y tế, họ tìm đến phòng khám y khoa để nhận sự giúp đỡ trong những lúc ốm đau.

Bà Trần Thị Cẩm (ấp Rạch Mũi, xã Phú Hưng, huyện Cái Nước) đã ngoài 60 tuổi. Mỗi khi trái gió trở trời, khắp cơ thể bà bị đau nhức kèm theo chứng bệnh cao huyết áp. Bà Cẩm cho biết,

1. Bài đăng trên Trang Thông tin điện tử của Ban Tôn giáo Chính phủ, ngày 25-4-2013.

nghèo quá lấy đâu ra 450.000 đồng mua bảo hiểm y tế, còn đi khám bệnh ở bác sĩ tư thì tốn nhiều tiền lắm. Bà đã nhiều lần đến phòng khám từ thiện này, được các bác sĩ tận tình chữa trị nên căn bệnh giờ đây đã thuyên giảm rất nhiều.



Các bệnh nhân nghèo đang được khám bệnh miễn phí

So với ngày đầu mới thành lập, số lượng bệnh nhân tăng lên gấp 5 lần, hiện có hơn 200 người đến khám bệnh tại phòng khám y khoa từ thiện vào chủ nhật hằng tuần. Mỗi đợt khám bệnh như vậy, bệnh nhân mắc các chứng bệnh thông thường được cấp thuốc điều trị trong thời gian một tuần. Sau đó, bệnh nhân tiếp tục

tái khám vào những tuần kế tiếp cho đến khi lành bệnh.

Bác sĩ Nguyễn Ngọc Hiền, cộng tác viên của phòng khám, cho biết: "Bệnh nhân đến đây khám và nhận thuốc điều trị chủ yếu các chứng bệnh cao huyết áp, đau dạ dày, đau nhức xương khớp, viêm xoang, loãng xương, suy nhược cơ thể. Trang thiết bị y tế tại phòng khám có hạn, chúng tôi linh hoạt giới thiệu bệnh nhân nghèo đến các phòng khám tư nhân chụp X-quang, đo điện tim,... được giảm giá 20%".

Lượng bệnh nhân đến khám ngày càng đông, tuy công việc gặp nhiều áp lực nhưng các y, bác sĩ ở đây vẫn nhiệt tình bằng cái tâm của người thầy thuốc, không đòi hỏi trả công hay bồi dưỡng. Sau những ngày làm việc miệt mài tại bệnh viện, các y, bác sĩ này đã dành trọn một ngày để tham gia làm từ thiện.

Việc làm của họ tuy nhỏ nhưng lại mang ý nghĩa xã hội và thể hiện tính nhân văn sâu sắc. Không dừng lại ở việc khám bệnh, kê đơn thuốc, cấp thuốc, các bác sĩ còn tư vấn cung cấp cho bệnh nhân kiến thức phòng ngừa các bệnh có nguy cơ gây biến chứng nguy hiểm như huyết áp, tim mạch, tiểu đường,...

Qua gần ba năm hoạt động, Phòng khám y khoa từ thiện của Hộ đạo Cao đài Tây Ninh ở phường 5, thành phố Cà Mau đã tổ chức khám

bệnh và cấp thuốc điều trị miễn phí cho hàng nghìn bệnh nhân nghèo, trị giá hàng trăm triệu đồng.

Lễ sanh Thái Hiệp Thanh, Trưởng ban Cai quản Họ đạo cho biết: "Để có nguồn tài chính duy trì hoạt động, Họ đạo đã vận động nhân sinh đóng góp mỗi tháng 10 triệu đồng, còn lại vận động các nhà hảo tâm trong và ngoài tỉnh đóng góp tiền, thuốc chữa bệnh phục vụ chăm sóc sức khỏe cho các nhân sinh nghèo. Tới đây, chúng tôi có trách nhiệm tiếp tục vận động nhân sinh và nhà hảo tâm trong và ngoài nước ủng hộ tiền, thuốc chữa bệnh cứu giúp cho dân nghèo".

Phòng khám y khoa từ thiện giờ đây đã trở thành chỗ dựa của bệnh nhân nghèo ở tỉnh Cà Mau, nhất là đối tượng bệnh nhân nghèo không có điều kiện mua thẻ bảo hiểm y tế. Việc làm của họ đạo không những giúp những người nghèo giảm được gánh nặng về chi phí khám, chữa bệnh mà ý nghĩa to lớn hơn chính là góp phần cùng Đảng, Nhà nước, địa phương quan tâm chăm sóc sức khỏe, tạo niềm vui, niềm hạnh phúc cho bà con nhân dân nghèo trong tỉnh.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- <i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
- Về bốn Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân là người Công giáo VŨ THÀNH NAM	7
- Đại lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận - Vị pháp chủ đầu tiên của Giáo hội Phật giáo Việt Nam TRẦN KHÁNH DƯ	16
- Hiền hách Quảng Phúc anh hùng VŨ THÀNH NAM	29
- Nghĩa tình nhân ái của Họ đạo Cao đài Minh Đức MINH THIỆN	36
- Phòng khám từ thiện Tam Tông Miếu: "Liên kết tôn giáo - Một trái tim" MINH TIỆP	41
- "Beethoven Việt Nam" - Nhạc sĩ Nguyễn Văn Quỳ là một người Công giáo yêu nước VŨ THÀNH NAM	49

- Đồng bào Cao đài Tây Ninh ở Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện phương châm hành đạo "Phục vụ dân sinh - Nước vinh đạo sáng"
MINH TIỆP 56
- Hiệp sĩ Đại Thánh giá Gioan Baotixita Lê Đức Thịnh - Hình ảnh người Công giáo tốt, người công dân tốt
PHƯƠNG LIÊN 63
- Ngôi chùa vùng xa gắn với công tác từ thiện
NGỌC BA 69
- Thượng tọa Thích Huệ Đăng - Những giấc mơ khoa học giúp đời
THANH LÊ 74
- Chia sẻ kinh nghiệm của vị linh mục
TRẦN THẮNG 82
- Gia đình giáo dân đi đầu trong xây dựng gia đình văn hóa, hiếu học
ĐẠT VÕ - TRẦN MƠ 86
- Vị linh mục của bệnh nhân phong
TRIẾT GIANG 91
- Ân nhân của những bệnh nhân phong ở Di Linh
TS. PHẠM HUY THÔNG 98
- Vị linh mục hết lòng vì dân
HẠNH NGUYỄN 108

- Có những người con Công giáo ở Tây
Nguyên như thế
VŨ THÀNH NAM 113
- Hành thiện từ những việc làm thiết
thực
TRẦN DUY HÙNG 119
- Phòng khám từ thiện Hộ đạo Cao đài -
Nơi chia sẻ gánh nặng với người nghèo
KIM HÁ 124

Chịu trách nhiệm xuất bản:
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung:
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. VŨ TRỌNG LÂM

Biên tập nội dung: **ThS. PHẠM THỊ THINH**
ThS. VŨ QUANG HUY
ThS. NGUYỄN THU TRANG

Vẽ bìa:

Trình bày, chế bản vi tính: **NGUYỄN QUỲNH LAN**
Sửa bản in: **PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT**
Đọc sách mẫu: **ThS. VŨ QUANG HUY**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

12/86 phố Duy Tân, Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, E-mail: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC

Ban Tuyên giáo Trung ương

- NHỮNG TẬP THỂ ĐIỂN HÌNH TRONG “HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH”
- NHỮNG CÁ NHÂN ĐIỂN HÌNH TRONG “HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH”

Lê Minh Nghĩa (Chủ biên)

- GƯƠNG SÁNG LÀM THEO LỜI BÁC

ISBN: 978-604-57-0349-6



9 786045 703496 >